

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật xây dựng dự toán
các đề tài, dự án khoa học và công nghệ lĩnh vực trồng trọt sử dụng kinh phí
từ ngân sách nhà nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 1 năm 2008; số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 36/2006/QĐ-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế Quản lý Đề tài, Dự án Khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng dự toán các đề tài, dự án khoa học và công nghệ lĩnh vực trồng trọt sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Búi Bá Bổng

Phụ lục I.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO GIỐNG LÚA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. LÚA THUẦN

1.1. Thí nghiệm tập đoàn công tác và chọn dòng (Đánh giá nguồn gen lúa; Đánh giá chọn lọc vườn dòng từ F1, M1 đến dòng thuần; Thí nghiệm chọn dòng biến dị từ nguồn nhập nội và các nguồn khác...)

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông	công	600
	Làm đất (thủ công)	công	50
	Thuê gieo mạ, chăm sóc mạ	công	40
	Thuê nhổ mạ, cấy	công	120
	Thuê làm cỏ, bón phân	công	40
	Phun thuốc trừ sâu bệnh, trừ cỏ, chống chuột	công	60
	Thu mẫu, làm mẫu	công	100
	Thuê gặt, tuốt, phơi, làm sạch	công	180
	Công dẫn nước	công	10
2	Lao động kỹ thuật	công	500
	Chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	70
	Theo dõi thí nghiệm, thu thập và xử lý mẫu...	công	350
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	80
3	Thuê khác		
	Bảo vệ thí nghiệm	công	30
	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Phân, thuốc sâu bệnh		
	Giống	kg	80
	N	kg	250
	P ₂ O ₅	kg	500
	K ₂ O	kg	200
	Phân vi sinh, vi lượng	tấn	1
	Hoặc phân chuồng	tấn	10
	Thuốc trừ sâu bệnh, thuốc trừ cỏ, thuốc chống chuột	kg	7
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Cọc tre (có thể kèm theo)	cái	3000
	Biển tên thí nghiệm, bảng tên giống	cái	30
	Nia	cái	100

	Mẹt	cái	100
	Cuốc, cào	cái	10
	Thúng	cái	10
	Quang gánh, đòn gánh	bộ	20
	Bạt phơi giống 10m2	cái	5
	Nilon chống chuột, chống rét	kg	50
	Bẫy chuột	cái	100
	Bao giấy đựng cá thể	cái	2000
	Bao giấy đựng dòng (1-3kg)	cái	300
	Bao dứa đựng dòng, giống (5-50kg)	cái	200
3	Nhu cầu điện nước, xăng dầu		
	Chi phí tưới tiêu nội đồng (thuỷ lợi phí)	ha	1
	Xăng dầu phục vụ vận chuyển, máy thu hoạch	lít	100

1.2. Thí nghiệm tạo nguồn vật liệu khởi đầu phục vụ chọn tạo giống mới

1.2.1. Lai hữu tính

TT	Nội dung chi phí cho 01 tổ hợp lai	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
	Công lao động kỹ thuật	công	2
II	Hóa chất		
III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Chậu vại, khay nhựa, đĩa petri, giấy thấm, kéo, panh, giấy bao cách ly	bộ	1
IV	Năng lượng nhiên liệu		
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		

1.2.2. Xử lý đột biến (phóng xạ, hoá chất)

TT	Nội dung chi phí cho 01 mẫu xử lý	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
2	Công lao động kỹ thuật: Chuẩn bị mẫu (hạt, mầm, cây); Xử lý và Chăm sóc, đánh giá, thu hoạch hạt của cây M1	công	3
II	Hóa chất (dùng cho xử lý đột biến bằng hoá chất)		
	- MNU, Conchicine....	gram	10
III	Dụng cụ tiêu hao		
-	Chậu vại, khay nhựa, đĩa petri, giấy, kéo, panh, bao giấy	bộ	1
IV	Năng lượng nhiên liệu		
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		

1.2.3. Nuôi cấy bao, hạt phấn

TT	Nội dung chi phí cho 01 mẫu	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông (Thu mẫu, rửa chai lọ, vệ sinh buồng nuôi cấy...)	công	1,5
2	Công lao động kỹ thuật (Xử lý mẫu, chuẩn bị môi trường, nuôi cấy, cấy chuyên, chăm sóc, theo dõi, thu hoạch...)	công	5
II	Hóa chất		
-	Môi trường MS	lít	3
-	Môi trường Yoshida	lít	10
-	Chất điều hoà sinh trưởng (Niketin, NAA, IAA, 2,4D...)	gram	5
-	Đường saccaro...	gram	100
-	Hoá chất khử trùng (clorox...)	lít	0,5
-	Cồn tuyệt đối	lít	1
-	Nước cất 2 lần	lít	30
-	Agar	gram	30
III	Dụng cụ tiêu hao		
-	Bình thuỷ tinh, ống đong, pipet, khay, đĩa petri, giấy thấm, kéo, panh, nút bông...	bộ	1
IV	Năng lượng nhiên liệu		
-	Điện	Kw	10
-	Nước sạch	lít	30
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
	Bóng đèn, điều hoà nhiệt độ, buồng nuôi cấy, nồi hấp, máy khuấy,	% 5 (I+II+III+IV)	

1.3. Thí nghiệm so sánh giống, nghiên cứu kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông	công	550
	Làm đất (thủ công)	công	50
	Thuê gieo mạ, chăm sóc mạ	công	40
	Thuê nhổ mạ, cấy	công	90
	Thuê làm cỏ, bón phân	công	60
	Phun thuốc trừ sâu bệnh, trừ cỏ, chống chuột	công	60
	Thu mẫu, làm mẫu	công	100
	Thuê gặt, tuốt, phơi, làm sạch	công	130
	Công dẫn nước	công	20
2	Lao động kỹ thuật	công	450
	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	60
	Theo dõi thí nghiệm, thu thập và xử lý mẫu...	công	320

	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	70
3	Thuê mướn khác		
	Bảo vệ thí nghiệm	công	30
	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Phân, thuốc sâu bệnh		
	Giống	kg	80
	N	kg	250
	P ₂ O ₅	kg	500
	K ₂ O	kg	200
	Phân vi sinh, vi lượng	tấn	1
	Hoặc phân chuồng	tấn	10
	Thuốc trừ sâu bệnh, thuốc trừ cỏ, thuốc chuột	kg	7
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Cọc tre (có thể kèm theo)	cái	1000
	Biển tên thí nghiệm, bảng tên giống	cái	30
	Nia	cái	10
	Mẹt	cái	10
	Cuốc, cào (mỗi loại)	cái	10
	Thúng	cái	10
	Quang gánh, đòn gánh (bộ)	bộ	10
	Bạt phơi giống 10m ²	cái	5
	Nilon chống chuột, chống rét	kg	30
	Bẫy chuột	cái	50
	Bao giấy đựng dòng (1-3kg)	cái	200
	Bao dứa đựng dòng, giống (5-50kg)	cái	100
3	Nhu cầu điện nước, xăng dầu		
	Xăng dầu phục vụ vận chuyển, máy thu hoạch	lit	100
	Tiền thuê lợi phí (nước nguồn)	ha	1

1.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm các giống lúa mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông	công	0
2	Lao động kỹ thuật	công	120
	Theo dõi, đánh giá, đo đếm các chỉ tiêu, thu thập mẫu, xử lý mẫu, xử lý số liệu, viết báo cáo...	công	120
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Phân, thuốc sâu bệnh		

	Giống	kg	50
	N	kg	125
	P ₂ O ₅	kg	250
	K ₂ O	kg	100
	Thuốc trừ sâu bệnh, thuốc trừ cỏ, thuốc chuột	kg	5
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Biển tên thí nghiệm, bảng tên giống	cái	20
	Nia	cái	10
	Mẹt	cái	10
	Cuốc, cào (mỗi loại)	cái	10
	Thúng	cái	10
	Quang gánh, đòn gánh	bộ	10
	Bạt phơi giống 10m ²	cái	5
	Nilon chống chuột, chống rét	kg	30
	Bẫy chuột	cái	50
	Bao dứa đựng dòng, giống (5-50kg)	cái	100
III	Chi phí, thuê mướn khác		
	Công tác phí	km	
	Thuê đất	ha	1

II. LÚA LAI

2.1. Thí nghiệm tập đoàn công tác và vườn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông	công	650
	Làm đất	công	50
	Gieo, chăm sóc mạ	công	40
	Nhổ mạ, cấy	công	120
	Bón phân, làm cỏ, chống chuột	công	100
	Phun thuốc bảo vệ thực vật, hoá chất	công	50
	Thu mẫu, làm mẫu	công	120
	Thu hoạch, phơi sấy	công	150
	Thuê tưới tiêu nước	công	20
2	Lao động kỹ thuật		600
	Chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	70
	Theo dõi, chọn mẫu, thu mẫu, xử lý mẫu, soi phần	công	450
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	80
3	Thuê mướn khác		

	Bảo vệ thí nghiệm	công	30
	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống, phân bón, hoá chất		
	Giống	kg	40
	Phân vi sinh	kg	1.500
	N	kg	300
	P₂O₅	kg	550
	K₂O	kg	200
	Thuốc bảo vệ thực vật, thuốc chuột	kg	7
2	Vật tư khác		
	Bảng thí nghiệm	cái	10
	Nilon che mưa	kg	250
	Thẻ thí nghiệm	cái	3.000
	Cọc tre chống chuột	cái	750
	Dây buộc	cuộn	20
	Liềm	cái	20
	Cuốc	cái	10
	Bình bơm thuốc sâu	cái	1
	Nia	cái	300
	Mẹt	Mẹt	500
	Bao đựng giống, mẫu	cái	3.000
	Vật tư khác : sơn, bẫy chuột, mồi		
3	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Điện	KW	1.000
	Tiền thuê lợi phí (nước nguồn)	ha	1

2.2. Lai, tạo vật liệu khởi đầu mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông	công	600
	Làm đất	công	50
	Gieo, chăm sóc mạ	công	40
	Nhổ mạ, cấy	công	120
	Bón phân, làm cỏ, chống chuột	công	100
	Phun thuốc bảo vệ thực vật, hoá chất	công	50
	Thu mẫu, làm mẫu	công	100
	Thu hoạch, phơi sấy	công	120
	Thuê tưới tiêu nước	công	20

2	Lao động kỹ thuật		530
	Chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	50
	Chọn mẫu, soi phần...	công	150
	Lai tạo (1 công/ 2 tổ hợp bố mẹ; 1 công / 10 tổ hợp F1)		
	Theo dõi các chỉ tiêu, thu mẫu, xử lý mẫu...	công	250
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	80
3	Thuê mướn khác		
	Bảo vệ thí nghiệm	công	30
	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống, phân bón, hoá chất		
	Giống	kg	40
	Phân vi sinh	kg	1.500
	N	kg	300
	P ₂ O ₅	kg	550
	K ₂ O	kg	200
	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	7
2	Vật tư khác		
	Nilon che mạ	kg	250
	Xô, chậu	cái	800
	Panh kéo	bộ	30
	Giấy can	cuộn	50
	Thẻ thí nghiệm	cái	3.000
	Cọc tre chống chuột	cái	750
	Dây buộc	cuộn	20
	Liềm	cái	30
	Cuốc	cái	10
	Bình bơm thuốc sâu	cái	1
	Nia	cái	300
	Mẹt	Mẹt	500
	Bao đựng giống, mẫu	cái	3.000
3	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.3. Thí nghiệm so sánh giống, nghiên cứu kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông	công	550
	Làm đất	công	50

	Gieo, chăm sóc mạ	công	50
	Nhổ mạ, cấy	công	90
	Bón phân, làm cỏ, chống chuột	công	80
	Phun thuốc bảo vệ thực vật, hoá chất	công	70
	Thu mẫu, xử lý mẫu		80
	Thu hoạch, phơi sấy	công	110
	Tưới tiêu nước	công	20
2	Lao động kỹ thuật		450
	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	50
	Theo dõi đánh giá các chỉ tiêu, thu và xử lý mẫu...	công	330
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	70
3	Thuê mướn khác		
	Bảo vệ thí nghiệm	công	20
	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống, phân bón, hoá chất		
	Giống	kg	40
	Phân vi sinh	kg	1.500
	N	kg	350
	P₂O₅	kg	700
	K₂O	kg	275
	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	7
2	Vật tư khác		
	Nilon che mạ	kg	200
	Thẻ thí nghiệm	cái	500
	Cọc tre chống chuột	cái	750
	Dây buộc	cuộn	30
	Liềm	cái	30
	Cuốc	cái	10
	Bình bơm thuốc sâu	cái	5
	Bao đựng giống, mẫu	cái	500
	Vật tư khác : son, bẫy chuột, môi		
3	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		120
	Lao động kỹ thuật		120
	Thiết kế thí nghiệm	công	10

	Theo dõi các chỉ tiêu	công	50
	Thu mẫu	công	40
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	20
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
	Giống	kg	40
	N	kg	175
	P ₂ O ₅	kg	350
	K ₂ O	kg	135
	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	5

Phụ lục II.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CÂY NGÔ
 (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Thí nghiệm duy trì nguồn nguyên liệu và nhân dòng (Duy trì dòng tác giả; Nhân dòng bố mẹ; Duy trì nguồn nguyên liệu ngô thụ phấn tự do)

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Thuê khoán chuyên môn			
1	Công lao động phổ thông	Công	910	
-	Làm đất	Công	100	Cày, bừa vỡ, bừa nhỏ, lên luống, cuốc góc
-	Gieo hạt	Công	40	Gieo thủ công, 250m ² /công
-	Xới, nhặt cỏ 3 lần	Công	140	3 lần, xới 400 m ² /công
-	Bón phân 3 lần + vun cao	Công	140	3 lần (300-400 m ² /công)+ vận chuyển phân từ kho ra ruộng
-	Phun thuốc BVTV, rải thuốc xử lý đất, rắc thuốc nống trừ sâu đục thân (bằng tay)	Công	120	
-	Đào rãnh thoát nước	Công	40	Rãnh dài 200 m, rộng 30cm x sâu 40 cm
-	Tưới nước, tiêu nước	Công	90	Tưới 3 -4 lần (cấp, dẫn nước, điều chỉnh tưới, tiêu)
-	Diệt và phòng chuột	Công	40	4-5 lần bằng bẫy, rào nylon
-	Thu hoạch	Công	80	Bẻ, bóc lá bi
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	120	Từ gieo đến thu hoạch
2	Công lao động kỹ thuật	Công	350	
-	Tia, khử lẫn, chọn bắp, chỉ đạo	Công	350	
3	Thuê khoán khác			
-	Thuê đất	Ha	1	Theo thời giá cụ thể
	Thuê vận chuyển bắp về Viện	Tấn	4	Chuyển bắp tươi từ nơi sản xuất về chế biến
	Thuê sấy, chế biến	Tấn	4	Từ ẩm độ 30-35% xuống 10%, tẽ hạt, sàng, cất kho
II	Nguyên vật liệu, năng lượng			
1	Giống	Kg	40	
2	Phân bón			
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2500	
	N	Kg	360	160N/ha
	P ₂ O ₅	Kg	700	110 P ₂ O ₅ /ha
	K ₂ O	Kg	200	80 K ₂ O/ha

	Vôi bột	Kg	500	
3	Thuốc BVTV	Kg		
	Thuốc xử lý đất và rắc nỏn	Kg	34	Thuốc bột xử lý đất 30kg/ha và 4 kg rắc nỏn
	Thuốc trừ sâu	Lít	6	Phun trừ sâu đục thân
	Thuốc trừ bệnh	Lít	6	Phun trừ bệnh thân, lá
	Thuốc trừ cỏ	Lít	2	Phun trừ cỏ
	Thuốc xử lý hạt giống	Kg	2	
4	Vật tư chuyên dụng			
	Bao Crap nhỏ (bao bắp)	Cái	50.000	
	Bao Crap lớn (bao cò)	Cái	50.000	
5	Vật tư thí nghiệm khác (vật rẻ)			≤10% tổng giá trị định mức (Phụ lục 1)
6	Nhiên liệu, năng lượng			
	Điện bảo quản giống	KWh/tháng	60	

2. Lai, tạo vật liệu khởi đầu mới theo phương pháp truyền thống

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Thuê khoán chuyên môn			
1	Công lao động phổ thông	Công	1.010	
	Làm đất	Công	120	Cày, bừa vỡ, bừa nhỏ, lên luống, cuốc góc
	Gieo hạt	Công	50	Gieo thủ công, 200m ² /công
	Xới, nhặt cỏ 3 lần	Công	140	3 lần, xới 400 m ² /công
	Cắt cỏ đường lô		50	
	Cắt cỏ trong hàng, vơ cỏ gốc	Công	100	300-400m ² /công (dọn trước khi trồng và trước khi thu hoạch)
	Bón phân 3 lần + vun cao	Công	140	3 lần + vận chuyển phân từ kho ra ruộng
	Phun thuốc BVTV, rải thuốc xử lý đất, rắc thuốc nỏn trừ sâu đục thân	Công	120	
	Đào rãnh thoát nước	Công	40	Rãnh dài 200 m, rộng 30cm, sâu 40 cm,
	Tưới nước, tiêu nước	Công	90	Tưới 3 -4 lần (cấp, dẫn nước, điều chỉnh tưới, tiêu)
	Diệt và phòng chuột	Công	40	4-5 lần bằng bẫy, rào nylon
	Bảo vệ đồng ruộng	Công	120	Từ gieo đến thu hoạch
2	Công lao động kỹ thuật	Công	1.130	
	Soạn giống, thiết kế thí	công	50	-

	nghiệm			
	Tĩa, khử lẫn	Công	40	Tính gộp cả 2 lần
	Theo dõi, đánh giá các đặc tính nông sinh học	Công	150	
	Thụ phấn, lai tạo		400	
	Thu hoạch	Công	120	
	Chế biến sau thu hoạch		200	
	Chọn bắp, viết bao	Công	120	Chọn bắp, viết từng bao
	Thu thập, xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	50	
3	Thuê mướn khác			
	Thuê đất	Ha	1	Theo thời giá cụ thể
II	Nguyên vật liệu, năng lượng			
1	Giống	Kg	40	
2	Phân bón			
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2500	
	N	Kg	360	160N
	P ₂ O ₅	Kg	700	110 P ₂ O ₅
	K ₂ O	Kg	200	80 K ₂ O
	Vôi bột	Kg	500	
3	Thuốc BVTV			
	Thuốc xử lý đất và rắc nỡn	Kg	34	Thuốc bột xử lý đất 30kg/ha và 4 kg rắc nỡn
	Thuốc trừ sâu	Kg	8	Phun trừ sâu đục thân
	Thuốc trừ bệnh	Kg	5	Phun trừ bệnh thân, lá
	Thuốc trừ cỏ	Kg	2	Phun trừ cỏ
	Thuốc xử lý mọt	Kg	3	
4	Vật tư chuyên dụng			
	Bao giấy Craft lớn (bao cõ)	Cái	50.000	
	Bao giấy Craft nhỏ (bao bắp)	Cái	50.000	
5	Vật tư thí nghiệm khác (vật rẻ)			≤10% tổng giá trị định mức (Xem chi tiết: Phụ lục 1)
	Điện bảo quản giống	KWh/tháng	60	-

3. Thí nghiệm so sánh, thí nghiệm kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Thuê khoán chuyên môn			
1	Lao động phổ thông	Công	1.030	
	Làm đất	Công	100	Cày, bừa vỡ, bừa nhỏ, lên luống, cuốc góc

	Gieo hạt	Công	60	Gieo thủ công
	Xới, nhặt cỏ 3 lần	Công	140	3 lần, xới 400 m2/công
	Phun thuốc BVTV, xử lý đất, rắc thuốc nỏn trừ sâu đục thân	Công	120	
	Đào rãnh thoát nước	Công	40	Rãnh dài 200 m, rộng 30 cm, sâu 40 cm
	Bón phân 3 lần + vun cao	Công	120	3 lần (300-400 m2/công)+ vận chuyển phân từ kho ra ruộng
	Rào chống chuột, diệt chuột	Công	40	4-5 lần bằng bẫy, rào nylon
	Tưới nước	Công	90	Tưới 3 -4 lần (cấp, dẫn nước, điều chỉnh tưới, tiêu)
	Thu hoạch	Công	200	Thu hoạch bằng tay, để đầu hàng, vận chuyển về kho
	Bảo vệ thí nghiệm	Công	120	Từ gieo trồng đến thu hoạch
2	Lao động kỹ thuật		490	
	Soạn giống, thiết kế thí nghiệm	Công	50	
	Tỉa dặm	Công	40	
	Theo dõi thí nghiệm, thu thập số liệu,...	Công	350	Theo dõi, đo đếm ngoài đồng và trong phòng, thu hoạch, đóng biên, phơi
	Tổng hợp, xử lý số liệu, viết báo cáo tổng kết	Công	50	
3	Thuê mướn khác			
	Thuê đất	ha	1	Theo thời giá cụ thể
II	Nguyên vật liệu, năng lượng			
1	Giống	Kg	30	
2	Phân bón			
	Phân vi sinh	Kg	2500	
	N	Kg	450	200 N
	P ₂ O ₅	Kg	700	110 P ₂ O ₅
	K ₂ O	Kg	200	80 K ₂ O
	Vôi bột	Kg	500	
3	Thuốc BVTV			
	Thuốc xử lý đất, rắc nỏn	Kg	34	Thuốc bột xử lý đất 30kg/ha và 4 kg rắc nỏn
	Thuốc trừ cỏ	Lit	2	
	Thuốc trừ sâu	Kg	10	
	Thuốc trừ bệnh	Lit	5	
4	Vật tư chuyên dùng			
	Bao Crap nhỏ (bao bấp)	Cái	0	

	Bao Cạp lớn (bao cò)	Cái	2000	
5	Vật thí nghiệm khác (vật rẻ)			<u>≤10% tổng giá trị định mức</u> (Xem chi tiết: Phụ lục 1)
6	Nhiên liệu			Theo yêu cầu của đề tài

4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Thuê khoán chuyên môn			
1	Công lao động		430	
	Làm đất, gieo hạt	Công	100	Cày, bừa vỡ, bừa nhỏ, lên luống, cuốc góc
	Xới cỏ	Công	60	3 lần, 500m ² /công
	Bón phân 3 lần + vun cao	Công	60	3 lần (500 m ² /công)+ vận chuyển phân ra ruộng
	Phun thuốc BVTV, xử lý đất, rắc thuốc nống trừ sâu đục thân	Công	60	
	Thu hoạch, vận chuyển	Công	100	
	Chế biến sau thu hoạch	Công	50	<u>Phơi từ ẩm độ 30-35% xuống 14%, tẽ, cất kho</u>
2	Thuê mướn khác			
	Thuê đất	ha	1	Theo thời giá cụ thể
	Quản lý đồng ruộng	Tháng	4	
	Chỉ đạo mô hình	Tháng	4	
	Công tác phí			Theo quy định hiện hành
II	Nguyên vật liệu, năng lượng			
1	Giống	Kg	3	
2	Phân bón			
	Phân chuồng/hữu cơ vi sinh	Kg	2500	
	N	Kg	450	200 N
	P₂O₅	Kg	770	120 P ₂ O ₅
	K₂O	Kg	250	100 K ₂ O
3	Thuốc BVTV			
	Thuốc xử lý đất và rắc nống	Kg	34	Thuốc bột xử lý đất 30kg/ha và 4 kg rắc nống
	Thuốc trừ sâu	Kg	8	Phun trừ sâu đục thân
	Thuốc trừ bệnh	Kg	5	Phun trừ bệnh thân, lá
	Thuốc trừ cỏ	Kg	2	Phun trừ cỏ
4	Năng lượng			Theo yêu cầu thực tế của đề tài
III	Chi khác (theo mẫu dự toán)			Theo yêu cầu thực tế của đề tài

5. Công nghệ chế biến và bảo quản hạt giống

Tính cho 1 tấn/1 mẫu

TT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Thuê khoán chuyên môn			
1	Lao động phổ thông		209	
	Trực sấy	Công	25	Sấy 150 giờ/mẻ
	Bóc vác	Công	30	Sấy và bảo quản
	Đào mẫu	Công	50	Sấy và bảo quản
	Tẽ hạt	Công	10	
	Làm sạch và xử lý cát	Công	20	
	Đo đếm	Công	40	
	Phân loại hạt	Công	12	
	Đóng gói	Công	10	
	Lấy mẫu	Công	12	
2	Lao động kỹ thuật		219	
	Hướng dẫn tiến hành thí nghiệm	Công	3	
	Tuyển chọn, đánh giá và làm mẫu	Công	20	
	Theo dõi, thu thập, xử lý số liệu	Công	40	
	Xác định độ sạch	Công	18	
	Xác định độ ẩm của hạt	Công	18	
	Xác định tỷ lệ nảy mầm	Công	32	
	Xác định các chỉ số cường lực	Công	68	
	Xác định tỷ lệ nứt vỡ, hư hỏng hạt	Công	20	
3	Thuê khoán khác			
	Thuê phương tiện vận chuyển	Ca	1	
	Thuê phân tích thành phần nấm bệnh	Mẫu	30	
II	Nguyên vật liệu, năng lượng			
1	Ngô bắp giống	Kg	1.000	
2	Hoá chất			
	- Hóa chất các loại			20%/tổng chi phí
	- FeCL3: Xác định tỷ lệ nứt vỡ	Kg	0,5	
	- Thuốc xử lý mọt	Kg	0,1	Bảo quản khi lưu mẫu
	- Thuốc phòng trừ nấm	Kg	0,5	Bảo quản khi lưu mẫu
3	Vật tư chuyên dùng			
	Cát sạch thử nảy mầm	Khối	0,5	
	Túi PE đựng mẫu	Túi	1.500	
	Bao PP đựng mẫu	Cái	60	
	Giấy thấm	Hộp	10	
	Găng tay cao su	Hộp	2	
	Thùng, sàng, nong, nia, ...	Chiếc	20	

	Khay thử nẩy mầm	Chiếc	20	
4	Vật tư thí nghiệm khác			10%/ tổng chi phí
5	Năng lượng			
	Than	Kg	650	Sấy ngô
	Điện	kW	50	Bảo quản mẫu (12-20 tháng)

Phụ lục III.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CÂY CÓ CỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. CÂY KHOAI LANG

1.1. Thí nghiệm nghiên cứu tập đoàn công tác và chọn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	600
-	Làm đất (thủ công)	công	70
-	Chuẩn bị luống, trồng	công	70
-	Chăm sóc (tỉa cành, vun xới, bón phân...)	công	150
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	30
-	Thu mẫu, xử lý mẫu	công	110
-	Thu hoạch	công	150
-	Tưới, tiêu nước	công	20
2	Công lao động kỹ thuật	công	450
-	Chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	50
	Lai tạo, theo dõi đánh giá các chỉ tiêu, thu mẫu, xử lý mẫu...		330
	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê bảo vệ	công	30
-	Thuê đất, thuế nông nghiệp	ha	1
II	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1.200
-	Phân chuồng	kg	15.000
-	N	kg	130
-	P₂O₅	kg	330
-	K₂O	kg	195
-	Thuốc BVTV	kg	3
	Dụng cụ thí nghiệm		
-	Túi đựng quả	cái	3.000
-	Túi đựng hạt	cái	3.000
-	Túi đựng giống	cái	500

-	Bảng tên thí nghiệm	cái	30
-	Cọc thí nghiệm	cái	1500
-	Cuốc	cái	10
-	Quang gánh, đòn gánh (bộ)	đôi	20
-	Rỗ, xào (mỗi loại)	cái	15
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Điện	KW	500
	Xăng dầu vận chuyển	lít	150
	Thuỷ lợi phí (nước nguồn)	ha	1

1.2. Chọn tạo vật liệu khởi đầu mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	600
-	Làm đất (thủ công)	công	70
-	Chuẩn bị luống, trồng	công	70
-	Chăm sóc (tỉa cành, vun xới, bón phân...)	công	150
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	30
-	Thu mẫu, xử lý mẫu	công	110
-	Thu hoạch	công	150
-	Tưới, tiêu nước	công	20
2	Công lao động kỹ thuật	công	450
	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		50
	Theo dõi TN, đánh giá, thu mẫu, xử lý mẫu...		330
	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	30
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1200
-	Phân chuồng	kg	15000
-	N	kg	130
-	P ₂ O ₅	kg	330
-	K ₂ O	kg	195
-	Thuốc BVTV	kg	3
	Dụng cụ thí nghiệm		
-	Túi đựng quả	cái	4000
-	Túi đựng hạt	cái	4000
-	Túi đựng giống	cái	500

-	Bảng tên thí nghiệm	cái	30
-	Cọc thí nghiệm	cái	1.500
-	Cuốc	cái	10
-	Quang gánh	đôi	20
-	Đòn gánh	cái	20
-	Rỗ, xảo (mỗi loại)	cái	15
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		570
-	Làm đất (thủ công)	công	70
-	Chuẩn bị luống, trồng	công	80
-	Chăm sóc (tỉa cành, vun, xới...)	công	150
-	Thu mẫu, xử lý mẫu	công	70
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	30
-	Thu hoạch, bảo quản	công	150
-	Tưới, tiêu nước	công	20
2	Công lao động kỹ thuật	công	400
	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		40
	Theo dõi TN, đánh giá, thu mẫu, xử lý mẫu...		290
	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	30
	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu năng lượng		
-	Giống	kg	1.200
-	Phân chuồng	kg	15.000
-	N	kg	130
-	P₂O₅	kg	330
-	K₂O	kg	195
-	Thuốc BVTV	kg	3
	Dụng cụ thí nghiệm		
-	Túi đựng giống	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	30
-	Cọc thí nghiệm	cái	500
-	Cuốc	cái	20
-	Quang gánh	đôi	20

-	Đòn gánh	cái	20
-	Rỗ, xỏ (mỗi loại)	cái	15
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công kỹ thuật	công	120
	Công cán bộ chỉ đạo, thiết kế bố trí thí nghiệm, theo dõi, xử lý số liệu, viết báo cáo...	<i>công</i>	<i>120</i>
2	Thuê mướn khác		
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
-	Thuê vận chuyển giống, vật tư xây dựng mô hình		
II	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1200
-	N	kg	65
-	P₂O₅	kg	165
-	K₂O	kg	100
-	Thuốc BVTV	kg	3
2	Dụng cụ		
-	Túi đựng giống	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	5
-	Quang gánh, Đòn gánh, Rỗ xỏ	đôi	15
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

II. CÂY KHOAI TÂY

2.1. Thí nghiệm nghiên cứu tập đoàn công tác và chọn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	Công	730
-	Làm đất (thủ công)	công	80
-	Chuẩn bị luống, trồng	công	150
-	Chăm sóc (vun, xới...)	công	150
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	60
-	Thu mẫu, xử lý mẫu	công	110
-	Thu hoạch	công	160
-	Tưới, tiêu nước	công	20
2	Công lao động kỹ thuật	công	450
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		50

-	Theo dõi TN, đánh giá các chỉ tiêu, chọn giống, nhổ bỏ cây bệnh, xử lý mẫu...		330
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	30
	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1400
-	Phân chuồng	tấn	20
	Hoặc phân vi sinh	tấn	2
-	N	kg	325
-	P ₂ O ₅	kg	600
-	K ₂ O	kg	240
-	Thuốc BVTV	kg	7
2	Dụng cụ thí nghiệm		
-	Túi đựng giống	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	30
-	Cọc thí nghiệm	cái	1500
-	Cuốc	cái	20
-	Quang gánh	đôi	20
-	Đòn gánh	cái	20
-	Rổ, xảo (mỗi loại)	cái	15
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Điện	Kw	500
	Xăng dầu vận chuyển	lít	100
	Thuỷ lợi phí (nước nguồn)	ha	1

2.2. Chọn tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	650
-	Làm đất (thủ công)	công	80
-	Chuẩn bị vườn lai, trồng	công	120
-	Chăm sóc(vun, làm dàn...)	công	150
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	50
-	Thu mẫu, xử lý mẫu	công	80
-	Thu hoạch quả, ép tách và phơi khô hạt	công	140
-	Tưới, tiêu nước	công	30

2	Công lao động kỹ thuật	Công/tổ hợp	2
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	30
-	Thuê đất, thuê nông nghiệp	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	12
-	Phân chuồng	Tấn	20
	Hoặc phân vi sinh	Tấn	2
-	N	kg	325
-	P₂O₅	kg	600
-	K₂O	kg	240
-	Thuốc BVTV	kg	7
2	Dụng cụ thí nghiệm		
-	Túi đựng quả	cái	5000
-	Túi đựng hạt	cái	5000
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	28
-	Cọc thí nghiệm	cái	5000
-	cây sắt làm dàn	cây	20000
-	Cuốc	cái	15
-	quang gánh	đôi	20
-	Rỗ, xỏ (mỗi loại)	đôi	20
-	Ô doa	đôi	10
-	Dây thép	kg	50
-	Kéo	cái	20
-	Panh inox	cái	20
-	Chậu nhựa nhỏ	cái	2000
-	khay nhựa	cái	2000
3	Năng lượng		
-	Nước		
-	Điện	Kw	

2.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	650
-	Làm đất (thủ công)	công	80
-	Chuẩn bị luống trồng	công	140
-	Chăm sóc (vun, xới...)	công	160

-	Phòng trừ sâu bệnh	công	70
-	Lấy mẫu thí nghiệm	công	50
-	Thu hoạch	công	120
-	Tưới, tiêu nước	công	30
2	Công lao động kỹ thuật	công	400
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	35
-	Theo dõi, chọn mẫu, thu mẫu, xử lý mẫu...	công	295
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	30
-	Phân tích mẫu (chất khô, tinh bột, đường, protein)	mẫu	10
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1400
-	Phân chuồng	tấn	20
	hoặc phân vi sinh	Tấn	2
-	N	kg	325
-	P₂O₅	kg	600
-	K₂O	kg	240
-	Thuốc BVTV	kg	7
2	Dụng cụ thí nghiệm		
-	Túi đựng mẫu	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	10
-	Cọc thí nghiệm	cái	1200
-	Cuốc	cái	15
-	Quang gánh, Đòn gánh,	Bộ	15
-	Rỗ, xáo (mỗi loại)	cái	20
-	Sơn cọc thí nghiệm	hộp	
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
-	Xăng dầu bơm nước, vận chuyển	lít	100
-	Điện	Kw	500
-	Thuỷ lợi phí (nước nguồn)	ha	1

2.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công kỹ thuật (thiết kế bố trí thí nghiệm, theo dõi, thu mẫu, xử lý số liệu, viết báo cáo...	công	120

2	Thuê mướn khác		
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
-	Thuê vận chuyển giống, vật tư xây dựng mô hình		
II	Nguyên vật liệu		
1	Nguyên liệu		
-	Giống	kg	1400
-	N	kg	325
-	P ₂ O ₅	kg	600
-	K ₂ O	kg	240
-	Thuốc BVTV	kg	7
2	Dụng cụ		
-	Túi đựng giống	cái	560
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	5
-	Cuốc	cái	5
-	Quang gánh	đôi	5
-	Đòn gánh	cái	5
-	Rổ xáo	cái	5
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
1	Công tác phí		

III. CÂY DONG RIỀNG

3.1. Thí nghiệm nghiên cứu tập đoàn công tác, chọn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	900
-	Làm đất (thủ công)	công	80
-	Chuẩn bị giống, trồng	công	100
-	Vun, chăm sóc	công	280
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	50
-	Lấy mẫu thí nghiệm	công	60
-	Thu hoạch	công	300
	Tưới nước	công	30
2	Công lao động kỹ thuật	công	450
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	50
	Theo dõi đánh giá các chỉ tiêu, thu và xử lý mẫu...	công	330
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	50
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1

II	Nguyên vật liệu, năng l ượng		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	2500
-	Phân chuồng	tấn	20
-	N	kg	860
-	P ₂ O ₅	kg	650
-	K ₂ O	kg	320
-	Thuốc BVTV	kg	10
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng mẫu	cái	560
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	10
-	Cọc thí nghiệm	cái	1000
-	Cuốc	cái	20
-	Quang gánh, đòn gánh, rổ xáo, dầm cỏ	đôi	20
-	Chậu nhựa, Xô nhựa	cái	20
-	Khay nhựa	cái	280
3	Năng lượng		

3.2. Chọn tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn v ị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	850
-	Làm đất	công	80
-	Chuẩn bị giống, trồng	công	90
-	Vun, chăm sóc	công	270
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	50
-	Lấy mẫu thí nghiệm	công	50
-	Thu hoạch	công	280
-	Tưới nước	công	30
2	Công lao động kỹ thuật	công	400
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	50
-	Theo dõi đánh giá các chỉ tiêu, thu và xử lý mẫu...	công	280
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	50
-	Phân tích mẫu (chất khô, tinh bột)	mẫu	20
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
III	Nguyên vật liệu, năng l ượng		
1	Nguyên vật liệu		

-	Giống	kg	2500
-	Phân chuồng	tấn	20
-	N	kg	860
-	P ₂ O ₅	kg	650
-	K ₂ O	kg	320
-	Thuốc BVTV	kg	10
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng mẫu	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	10
-	Cọc thí nghiệm	cái	800
-	Cuốc	cái	20
-	Quang gánh, đòn gánh, rổ xáo, dầm cò	đôi	20
-	Chậu nhựa, Xô nhựa	cái	128
-	Khay nhựa	cái	140
3	Năng lượng		
	Xăng dầu vận chuyển	lít	100
-	Điện, nước	Kw	500
-	Thủy lợi phí (nước nguồn)	ha	1

3.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1.1	Công lao động phổ thông	công	830
-	Làm đất (thủ công)	công	80
-	Chuẩn bị giống, trồng	công	90
-	Vun, chăm sóc	công	270
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	50
-	Lấy mẫu thí nghiệm	công	40
-	Thu hoạch	công	270
-	Tưới nước	công	30
2	Công lao động kỹ thuật	công	400
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	50
	Theo dõi đánh giá các chỉ tiêu, thu và xử lý mẫu...	công	280
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	tháng	30
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		

-	Giống	kg	2500
-	Phân chuồng	tấn	10
-	N	kg	860
-	P ₂ O ₅	kg	650
-	K ₂ O	kg	320
-	Thuốc BVTV	kg	10
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng mẫu	cái	500
-	Bảng tên giống	cái	10
-	Cuốc	cái	5
-	Quang gánh, Đòn gánh, Rổ xáo, Dầm cỏ	đôi	20
-	Chậu nhựa	cái	15
3	Năng lượng		
-	Xăng dầu vận chuyển	lít	100
-	Điện	Kw	500
-	Thủy lợi phí	ha	1

3.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công kỹ thuật (thiết kế bố trí thí nghiệm, theo dõi, thu mẫu, xử lý số liệu, viết báo cáo...)	công	120
2	Thuê mướn khác		
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
-	Thuê vận chuyển giống, vật tư xây dựng mô hình		
II	Nguyên vật liệu		
1	Nguyên liệu		
-	Giống	kg	2500
-	Phân chuồng	tấn	10
-	N	kg	860
-	P ₂ O ₅	kg	650
-	K ₂ O	kg	320
2	Dụng cụ		
-	Túi đựng giống	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	5
-	Cuốc	cái	5
-	Quang gánh, Đòn gánh, Rổ xáo	đôi	15
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

IV. CÂY KHOAI SỌ

4.1. Thí nghiệm tập đoàn công tác và chọn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	850
-	Làm đất (thủ công)	công	80
-	Chuẩn bị giống, trồng	công	90
-	Vun, chăm sóc	công	250
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	50
-	Thu mẫu, xử lý mẫu...	công	90
-	Thu hoạch	công	260
-	Tưới, tiêu nước	công	30
2	Công lao động kỹ thuật	công	450
	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		50
	Theo dõi TN, đánh giá, thu mẫu, xử lý mẫu...		330
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	50
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1.400
-	Phân chuồng	tấn	20
-	N	kg	330
-	P ₂ O ₅	kg	600
-	K ₂ O	kg	300
-	Thuốc BVTV, thuốc chuột	kg	7
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng mẫu	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	10
-	Cọc thí nghiệm	cái	1000
-	Cuốc, dầm cò (mỗi loại)	cái	20
-	Quang gánh, Đòn gánh	đôi	20
-	Rỗ, xào (mỗi loại)	cái	20
-	Xô nhựa	cái	20
-	Chậu nhựa	cái	50
-	Khay nhựa	cái	280
3	Năng lượng		
	Xăng dầu vận chuyển	lít	100

-	Điện	Kw	500
-	Thủy lợi phí (nước nguồn)	ha	1

4.2. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	800
-	Làm đất (thủ công)	công	80
-	Chuẩn bị giống, trồng	công	90
-	Vun, chăm sóc	công	250
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	40
-	lấy mẫu thí nghiệm	công	70
-	Thu hoạch	công	250
-	Tưới, tiêu nước	công	20
2	Công lao động kỹ thuật	công	400
	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		50
	Theo dõi TN, đánh giá, thu mẫu, xử lý mẫu...		330
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	50
-	Phân tích mẫu (chất khô, chất khô, protein)	mẫu	10
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1400
-	Phân chuồng	tấn	25
-	N	kg	330
-	P₂O₅	kg	600
-	K₂O	kg	250
-	Thuốc BVTV	kg	7
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng mẫu	cái	500
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	10
-	Cọc thí nghiệm	cái	600
-	Cuốc, dầm cỏ (mỗi loại)	cái	20
	Quang gánh, Đòn gánh	đôi	20
	Rỗ, xào (mỗi loại)	cái	20
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

4.3. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động kỹ thuật (Công cán bộ chỉ đạo, thiết kế bố trí thí nghiệm, theo dõi, đo đếm, thu mẫu, xử lý số liệu, viết báo cáo...)	công	120
2	Thuê mướn khác		
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
-	Thuê vận chuyển giống, vật tư xây dựng mô hình		
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	kg	1,400
-	Phân chuồng	tấn	25
-	N	kg	330
-	P ₂ O ₅	kg	600
-	K ₂ O	kg	300
-	Thuốc BVTV	kg	7
2	Dụng cụ TN		
-	Bảng tên giống	cái	10
-	Cuốc	cái	5
-	Dầm cỏ	đôi	50
	Quang gánh, Đòn gánh	bộ	15
	Rổ, xảo (mỗi loại)	cái	20
-	Xô nhựa, Chậu nhựa	cái	50
-	Khay nhựa	cái	150
-	Chậu nhựa nhỏ	cái	5
-	Bao tải đựng giống	cái	800
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

V. CÂY SẴN

5.1. Thí nghiệm tập đoàn công tác và chọn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	650
-	Làm đất (thủ công)	công	90
-	Chuẩn bị giống, trồng	công	80
-	Vun, chăm sóc	công	190

-	Phòng trừ sâu bệnh	công	30
-	lấy mẫu thí nghiệm	công	90
-	Thu hoạch	công	150
	Tưới, tiêu nước		20
2	Công lao động kỹ thuật	công	450
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		50
	Theo dõi, đánh giá, chọn dòng, thu mẫu, xử lý mẫu...		330
	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	ha	50
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	hom	12.000
-	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500
-	N	kg	130
-	P ₂ O ₅	kg	400
-	K ₂ O	kg	195
-	Thuốc BVTV	Kg	7
	Thuốc trừ sâu bệnh	kg	3
	Thuốc xử lý đất	kg	30
	Thuốc trừ cỏ	kg	3
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng giống	cái	600
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	20
-	Cọc thí nghiệm	cái	500
-	Cuốc	cái	20
-	Quang gánh, đòn gánh	Bộ	20
	Rỗ, xảo (mỗi loại)	cái	20
-	Dao to	cái	20
3	Năng lượng		
-	Điện, nước	KW	
-	Xăng dầu vận chuyển, bơm nước...	lít	
-	Thuỷ lợi phí (nước nguồn)	ha	
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

5.2. Chọn tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		

1	Công lao động phổ thông	công	650
-	Làm đất thủ công	công	98
-	Chuẩn bị vườn lai, trồng	công	146
-	Vun, chăm sóc	công	160
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	28
-	Thu hoạch quả, tách quả, phơi hạt	công	140
-	Tưới nước	công	28
-	Công phát sinh (chống hạn, úng, dịch bệnh)	công	50
2	Công lao động kỹ thuật	công/tổ hợp	2
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ (1 người)	tháng	50
-	Thuê đất, thuê đất	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	hom	12.000
-	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500
-	N	kg	130
-	P₂O₅	kg	400
-	K₂O	kg	195
-	Thuốc BVTV		
	Thuốc sâu bệnh +Thuốc trừ cỏ	kg	6
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng mẫu +Túi đựng hạt	cái	7.000
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	15
-	Cọc thí nghiệm	cái	1000
-	Cuốc + Dao to (mỗi loại)	cái	15
-	Dây buộc	Cuộn	25
-	Quang gánh, đòn gánh	bộ	20
	Rỗ, xáo (mỗi loại)	cái	20
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

5.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm cơ bản

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông	công	600
-	Làm đất thủ công	công	90
-	Chuẩn bị giống, trồng	công	100
-	Vun, chăm sóc	công	150

-	Lấy mẫu thí nghiệm	công	50
-	Phòng trừ sâu bệnh	công	30
-	Thu hoạch quả, tách quả, phơi hạt	công	150
-	Tưới nước	công	30
2	Công lao động kỹ thuật	công	400
	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		30
	Theo dõi TN, đánh giá các chỉ tiêu, chọn dòng, thu mẫu, xử lý mẫu...		300
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo		70
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê công bảo vệ	công	50
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1
II	Nguyên vật liệu		
1	Nguyên vật liệu		
-	Giống	hom	12.000
-	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500
-	N	kg	130
-	P₂O₅	kg	400
-	K₂O	kg	195
-	Thuốc BVTV		
	Thuốc sâu bệnh, Thuốc trừ cỏ	kg	4
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Dụng cụ TN		
-	Túi đựng mẫu + Túi đựng hạt	cái	8.000
-	Bảng tên thí nghiệm	cái	10
-	Cọc thí nghiệm	cái	500
-	Cuốc, Dao to (mỗi loại)	cái	10
-	Dây buộc	Cuộn	20
-	Quang gánh, đòn gánh	bộ	15
	Rỗ, xảo (mỗi loại)	cái	20
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

5.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
	Công lao động kỹ thuật (Công cán bộ chỉ đạo, thiết kế bố trí thí nghiệm, theo dõi, đo đếm, thu mẫu, xử lý số liệu, viết báo cáo...)	công	120
1	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		

-	Giống	hom	12.000
-	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	1,5
-	N	kg	130
-	P ₂ O ₅	kg	400
-	K ₂ O	kg	195
-	Thuốc BVTV		
	Thuốc sâu bệnh	kg	3
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
	Thuốc trừ cỏ	kg	3
III	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

Phụ lục IV.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CÂY ĐẬU ĐỎ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Thí nghiệm tập đoàn công tác và chọn dòng

TT	Khoản chi	Đơn vị tính	Định mức 1.000m ²		
			Đậu tương	Lạc	Đậu xanh
I	Thuê khoán chuyên môn				
1	Công lao động phổ thông		77	82	74
-	Làm đất	Công	8	8	8
-	Lên luống, nhặt cỏ	Công	10	10	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, gieo hạt	Công	8	8	8
-	Chăm sóc (tỉa dặm, vun xới...)	Công	13	16	11
-	Tưới nước	Công	4	4	4
-	Phun thuốc BVTV	Công	8	8	8
-	Thu hoạch (cắt cây, vận chuyển...)	Công	8	8	8
-	Phơi sấy, làm sạch mẫu giống	Công	11	12	10
-	Theo dõi, lấy mẫu giống.	Công	7	8	7
2	Công lao động kỹ thuật		45	55	45
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	5	7	5
-	Theo dõi TN, đánh giá các chỉ tiêu, chọn dòng, thu mẫu, xử lý mẫu...	Công	32	40	32
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	8	8	8
3	Thuê mướn khác				
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	3	3	3
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	m2	1000	1000	1000
II	Nguyên vật liệu, năng lượng				
1	Nguyên, nhiên vật liệu				
-	Giống	Kg	7	24	3
-	Giống (gieo vãi)	kg	9		
-	Hóa chất /Chế phẩm	Gói			
-	N	Kg	8,6	9,8	8,6
-	P₂O₅	Kg	35	55	35
-	K₂O	Kg	10	10	10
-	Phân chuồng/ phân vi sinh	Kg	800/80	1500/150	1000/100
-	Vôi bột	Kg		50	0
-	Thuốc BVTV	Kg	0.6	0.6	0.6
2	Vật rẻ tiền mau hỏng				
-	Nia, phơi mẫu phơi cả ô TN	Chiếc	250	250	250

-	Sàng, mẹt phơi 5 - 10 cây mẫu	Chiếc	100	100	100
-	Màng mỏng PE	Kg		10	
-	Túi đựng mẫu	Chiếc	500	500	500
-	Bao tải đựng giống	Chiếc			
-	Cọc tre TN	Chiếc	500	500	500
-	Quang gánh	Bộ	1	1	1
-	Liềm	Chiếc	1	1	1
-	Cuốc	Chiếc	1	1	1
-	Thùng tôn bảo quản mẫu giống	Chiếc	1	1	1
-	Bảng mica khổ 80x45 (cả cắt chữ)	Chiếc	1	1	1
-	Rổ rửa mẫu giống	Chiếc		5	
3	Năng lượng				
-	Điện	Kw	100	100	100
-	Thủy lợi phí (nước nguồn)	m2	1000	1000	1000
4	Chi phí khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)		(theo mẫu dự toán)		

2. Chọn tạo vật liệu khởi đầu

2.1. Lai hữu tính

TT	Khoản chi	Đơn vị tính	Định mức 1.000m ²		
			Đậu tương	Lạc	Đậu xanh
I	Thuê khoán chuyên môn				
1	Công lao động phổ thông		77	82	74
-	Làm đất	Công	8	8	8
-	Lên luống	Công	10	10	10
-	Rạch hàng, bón phân, gieo lấp hạt.	Công	8	8	8
-	Chăm sóc (tỉa, dặm, vun xới...)	Công	12	16	10
-	Tưới nước	Công	5	5	4
-	Phun thuốc BVTV	Công	8	8	8
-	Thu hoạch (thu hạt lai, cắt cây...)	Công	8	8	10
-	Phơi sấy, làm sạch mẫu giống	Công	10	12	8
2	Công lao động kỹ thuật				
-	Chuẩn bị, chọn tổ hợp lai	Công	5	5	5
-	Công lai (khoán gọn 3 công/1 tổ hợp)	Công	3	3	3
3	Thuê mướn khác				
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	3	3	3
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1	1	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng				
1	Nguyên, nhiên vật liệu	m2	1000	1000	1000
-	Giống	Kg	7	24	3

-	Hóa chất (Chế phẩm)				
-	N	Kg	8,6	9,8	8,6
-	P₂O₅	Gói	35	55	35
-	K₂O	Kg	10	10	10
-	Phân chuồng	Kg	800/80	1500/150	1000/100
-	Vôi bột	Kg		50	0
-	Thuốc BVTV	Kg	0.6	0.6	0.6
2	Vật rẻ tiền mau hỏng				
-	Nia phơi mẫu phơi cả ô TN	Chiếc	250	250	250
-	Sàng, mẹt phơi 5 - 10 cây mẫu	Chiếc	100	100	100
-	Màng mỏng PE	Kg		10	
-	Túi đựng mẫu	Chiếc	500	500	500
-	Cọc tre TN	Chiếc	500	500	500
-	Quang gánh	Bộ	1	1	1
-	Liềm + Cuốc	Chiếc	2	2	2
-	Thùng tôn bảo quản mẫu giống	Chiếc	1	1	1
-	Bảng mica khổ 80x45 (cả cắt chữ)	Chiếc	1	1	1
-	Rổ rửa mẫu giống	Chiếc		5	
-	Côn panh, đĩa petry, dây lai, kính....	Bộ	5	5	5
3	Năng lượng				
-	Điện	Kw	200	200	200
-	Thủy lợi phí (nước nguồn)	m2	1000	1000	1000
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)		(theo mẫu dự toán)		

2.2. Các thí nghiệm đột biến thực nghiệm

TT	Khoản chi	Đơn vị tính	Định mức 1.000 m ²		
			Đậu tương	Lạc	Đậu xanh
I	Thuê khoán chuyên môn				
1	Công lao động phổ thông		77	82	74
-	Làm đất	Công	8	8	8
-	Lên luống, nhặt cỏ	Công	10	10	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, gieo hạt	Công	8	8	8
-	Chăm sóc (tỉa dặm, vun xới...)	Công	12	16	10
-	Tưới nước	Công	5	5	4
-	Phun thuốc BVTV	Công	8	8	8
-	Thu hoạch (cắt cây, vận chuyển...)	Công	8	8	10
-	Phơi sấy, làm sạch mẫu giống	Công	10	12	8
-	Theo dõi, lấy mẫu giống.	Công	8	8	8
2	Công lao động kỹ thuật		45	50	45
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí TN	Công	5	7	5

-	Theo dõi TN, đánh giá các chỉ tiêu, chọn dòng, thu mẫu, xử lý mẫu...	công	32	35	32
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	8	8	8
3	Thuê mướn khác				
-	Bảo vệ đồng ruộng	công	3	3	3
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	Ha	1	1	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng				
1	Nguyên, nhiên vật liệu				
-	Giống	Kg	7	24	3
-	N	Kg	8,6	9,8	8,6
-	P ₂ O ₅	Kg	35	55	35
-	K ₂ O	Kg	10	10	10
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Kg	800/80	1500/150	1000/100
-	Vôi bột	Kg		50	
-	Thuốc BVTV	Kg	0,6	0,6	0,6
2	Vật rẻ tiền mau hỏng.				
-	Nia phơi mẫu phơi cả ô TN	Chiếc	250	250	250
-	Sàng, mẹt phơi 5 - 10 cây mẫu	Chiếc	100	100	100
-	Màng mỏng PE	Kg		10	
-	Túi đựng mẫu	Chiếc	500	500	500
-	Cọc tre TN	Chiếc	500	500	500
-	Quang gánh	Bộ	1	1	1
-	Liềm	Chiếc	1	1	1
-	Cuốc	Chiếc	1	1	1
-	Thùng tôn bảo quản mẫu giống	Chiếc	1	1	1
-	Bảng mica khổ 80x45 (cả cắt chữ)	Chiếc	1	1	1
-	Rổ rửa mẫu giống	Chiếc	-	5	-
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)		(theo mẫu dự toán)		

3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

TT	Khoản chi	Đơn vị tính	Định mức 1 000m ²		
			Đậu tương	Lạc	Đậu xanh
I	Thuê khoán chuyên môn				
1	Công lao động phổ thông		70	75	70
-	Làm đất	Công	7	7	7
-	Lên luống	Công	10	10	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, gieo hạt	Công	6	6	6
-	Chăm sóc (tỉa dặm, vun xới...)	Công	10	12	10
-	Tưới nước	Công	3	4	3
-	Phun thuốc BVTV	Công	8	8	8
-	Thu hoạch (cắt cây, vận chuyển...)	Công	8	8	8

-	Phơi sấy, làm sạch mẫu giống	Công	10	12	10
-	Theo dõi, lấy mẫu giống.	Công	8	8	8
2	Công lao động kỹ thuật		40	40	40
-	Chuẩn bị vật liệu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	5	5	5
-	Theo dõi TN, đánh giá các chỉ tiêu, chọn dòng, thu mẫu, xử lý mẫu...	công	28	28	28
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	7	7	7
3	Thuê mướn khác				
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	3	3	3
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	ha	1	1	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng				
1	Nguyên, nhiên vật liệu				
-	Giống	Kg	7	22	3
-	Hóa chất /Chế phẩm	Gói			
-	N	Kg	8,6	9,8	8,6
-	P₂O₅	Kg	35	55	35
-	K₂O	Kg	10	10	10
-	Phân chuồng/ phân vi sinh	Kg	800/80	1500/150	1000/100
2	Vật rẻ tiền mau hỏng.				
-	Nia phơi mẫu phơi cả ô TN	Chiếc	50	50	50
-	Sàng, mẹt phơi 5 - 10 cây mẫu	Chiếc	10	10	10
-	Màng mỏng PE	Kg		10	
-	Túi đựng mẫu	Chiếc	150	150	150
-	Cọc tre TN	Chiếc	150	150	150
-	Quang gánh	Bộ	1	1	1
-	Liềm	Chiếc	1	1	1
-	Cuốc	Chiếc	1	1	1
-	Thùng tôn bảo quản mẫu giống	Chiếc	1	1	1
-	Bảng mica khổ 80x45 (cắt chữ)	Chiếc	1	1	1
-	Rổ rửa mẫu giống	Chiếc		5	
III	Chi khác (Theo quy định của đề tài)		(theo mẫu dự toán)		
-	Điện	Kw	100	100	100
-	Thủy lợi phí	m2	1000	1000	1000

5. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

TT	Khoản chi	Đơn vị tính	Định mức 1.000m ²		
			Đậu tương	Lạc	Đậu xanh
I	Thuê khoán chuyên môn				
1	Công lao động kỹ thuật (Thiết kế, bố trí TN, công chỉ đạo, theo dõi, lấy mẫu, xử lý		12	12	12

	<i>mẫu, xử lý số liệu, viết báo cáo...</i>				
2	<i>Thuê mướn khác</i>		1000	1000	1000
-	Bảo vệ đồng ruộng	công	3	3	3
-	Thuê đất (thuế nông nghiệp)	m2	1000	1000	1000
II	Nguyên vật liệu, năng lượng				
1	<i>Nguyên, nhiên vật liệu</i>				
-	Giống (hỗ trợ 100%)	Kg	7	24	3
-	Đạm urê (hỗ trợ 50%)	Kg	4,5	5	4,5
-	Lân supe (hỗ trợ 50%)	Kg	18	28	18
-	Kali (hỗ trợ 50%)	Kg	5	5	5
-	Phân chuồng	Kg			
-	Vôi bột (hỗ trợ 100%)	Kg		50	
-	Thuốc BVTV(hỗ trợ 50%)	Kg	0.3	0.3	0.3
2	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng.</i>				
-	Màng mỏng PE (hỗ trợ 100%)	Kg		10	
-	Túi đựng mẫu	Chiếc			
-	Bao tải đựng giống	Chiếc	6	20	4
-	Bảng mica khổ 80x45 (cắt chữ)	Chiếc	1	1	1
3	<i>Năng lượng</i>				
-	Điện (bơm nước....)	Kw			
-	Thủy lợi phí (nước nguồn)	m ²			
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế đề tài)		(theo mẫu dự toán)		

Phụ lục V.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CÂY RAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. RAU ĂN LÁ

1.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000 m²

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		165
	Dọn cỏ	Công	10
	Làm đất	Công	10
	Lên luống	Công	10
	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	10
	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
	Trồng cây	Công	10
	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	10
	Đào mương thoát nước	Công	10
	Tưới nước	Công	10
	Phòng trừ chuột	Công	5
	Phun thuốc BVTV	Công	14
	Bón phân	Công	10
	Thu hoạch	Công	15
	Làm sạch hạt	Công	10
	Phơi sấy	Công	2
	Phân loại, đóng gói	Công	4
	Dọn tàn dư TN	Công	5
2	Công lao động kỹ thuật		125
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
	Theo dõi TN, thu thập số liệu, thu mẫu	Công	40
	Tia, thái loại, bao chụp cách ly giữ và nhân giống	Công	60
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
	Thuê người dẫn đường đi thu thập mẫu	Công/mẫu	1
	Phân tích mẫu (Các loại)	Mẫu	100
	Thuê đất	m2	1000
	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		

	Giống	Mẫu	100
	Khay gieo hạt	Cái	100
	Thẻ đánh dấu trong vườn ươm	Cái	100
	Phân chuồng	Tấn	3
	Hoặc thay bằng phân hữu cơ sinh học	Kg	1000
	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
	N	Kg	30
	P ₂ O ₅	Kg	80
	K ₂ O	Kg	30
	Trấu (rơm) phủ đất	Tấn	1
	Vôi bột	Kg	30
	Thuốc bệnh	Kg	1
	Thuốc xử lý đất	kg	3
	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	2
-	Vật liệu quây chụp cách ly chọn dòng (Vải cách ly)	Kg	50
2	Vật tư, dụng cụ khác		
	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao xi măng đựng hạt	Kg	5
	Dây tưới	m	300
	Bình phun thuốc	Cái	1
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600

	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
	Xăng (đầu) bơm nước, phun thuốc	Lít	140
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.2. Thí nghiệm tạo nguồn vật liệu khởi đầu

Tính cho 1.000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
A	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		165
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất + Lên luống	Công	20
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	10
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	10
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ..., bón phân)	Công	20
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Tưới nước	Công	10
-	Phòng trừ chuột	Công	5
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Thu hoạch, Làm sạch hạt, Phơi sấy	Công	27
-	Phân loại, đóng gói	Công	4
-	Dọn tàn dư TN	Công	5
2	Công lao động kỹ thuật		115
-	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
-	Theo dõi TN, thu mẫu, thu thập số liệu, thu mẫu	Công	40
-	Tia, thái loại, bao chụp cách ly thụ phấn	Công	50
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m2	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
B	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	100
-	Phân chuồng	Tấn	3

	Hoặc thay bằng phân hữu cơ sinh học	Tấn	1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	30
-	P ₂ O ₅	Kg	80
-	K ₂ O	Kg	30
-	Trấu (rom) phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	30
-	Thuốc BVTV	Kg	1,5
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Phân bón lá, vi lượng	Kg	2
-	Vật liệu quây chụp cách ly chọn dòng (vải chuyên dụng)	Kg	50
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
-	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao xi măng đựng hạt	Kg	5
	Dây tưới	m	300
	Bình phun thuốc	Cái	1
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
-	Thước dây	Cái	2
-	Dao, kéo	Bộ	2
-	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
-	Ủng	Đôi	5
-	Găng tay	Đôi	20
-	Nón, mũ	Chiếc	5
-	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
-	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
	Xăng (dầu) bơm nước, phun thuốc	Lít	70
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1000 m²

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		165
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	10
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	14
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	12
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Tưới nước	Công	10
-	Phòng trừ chuột	Công	5
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Bón phân	Công	10
-	Thu hoạch	Công	25
-	Dọn tàn dư TN	Công	5
2	Công lao động kỹ thuật		105
-	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	15
-	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
-	Đánh giá xác định công thức, tổ hợp lai triển vọng	Công	15
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	90
-	Thuê đất	m ²	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
-	Giống	Mẫu	30
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	30
-	Phân chuồng	Tấn	3
-	Hoặc thay bằng phân hữu cơ sinh học	Tấn	1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	30
-	P ₂ O ₅	Kg	80
-	K ₂ O	Kg	30
-	Trấu (rom) phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	30
-	Thuốc bệnh	Kg	1

-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1.5
-	Phân bón lá, vi lượng	Kg	2
	Vật tư, dụng cụ khác		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	90
-	Quang gánh, sào	Đôi	3
-	Thùng tưới	Đôi	3
-	Liềm	Cái	5
-	Cuốc	Cái	2
-	Dầm	Cái	5
-	Xẻng	Cái	1
-	Rổ nhựa	Cái	20
-	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao xi măng đựng hạt	Kg	5
	Dây tưới	m	300
	Bình phun thuốc	Cái	1
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
	Biên thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
-	Điện (tưới nước)	KW/tháng	100
-	Xăng (dầu) bơm nước, phun thuốc	Lít	140
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.4. Khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		1.490
	Dọn cỏ	Công	100
	Làm đất	Công	100
	Lên luống	Công	100
	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	100

	Phủ luống, đục lỗ	Công	100
	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	100
	Trồng cây	Công	100
	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	100
	Đào mương thoát nước	Công	100
	Tưới nước	Công	100
	Phòng trừ chuột	Công	50
	Phun thuốc BVTV	Công	140
	Bón phân	Công	100
	Thu hoạch	Công	150
	Dọn tàn dư TN	Công	50
2	Công lao động kỹ thuật		195
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí mô hình	Công	30
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
	Phụ cấp chỉ đạo mô hình	Tháng	5
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	5
-	Thuê đất	ha	1
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
-	Phụ cấp cán bộ địa phương phối hợp chỉ đạo mô hình	tháng	5
-	Thuê đất	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
	Hạt giống		
	Cải bắp, cải xanh...		1-3
	Rau muống, mồng tơi...		20-30
-	Khay gieo hạt	Cái	750
	Phân chuồng	Tấn	30
-	Hoặc thay bằng phân hữu cơ sinh học	Tấn	10
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	3000
-	N	Kg	450
-	P₂O₅	Kg	750
-	K₂O	Kg	450
-	Trấu (rom) phủ	Tấn	0.5
-	Vôi bột	Kg	500
-	Thuốc bệnh	Kg	10
-	Thuốc xử lý đất	kg	30
-	Thuốc trừ sâu	Kg	15
-	Phân bón lá	Kg	20
-	Nilon phủ đất	Cuộn	30
2	Vật tư, dụng cụ khác		

-	Túi nilon thu mẫu	Kg	10
	Quang gánh, sào	Đôi	10
	Thùng tưới	Đôi	10
	Liềm	Cái	15
	Cuốc	Cái	10
	Dầm	Cái	50
	Xẻng	Cái	10
	Rổ nhựa	Cái	30
	Dây tưới	m	1000
	Bình phun thuốc	Cái	5
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
-	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
-	Điện (bơm nước)	KW/tháng	100
	Xăng (dầu diezen) bơm nước, phun thuốc	Lít	400
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2
	Hội nghị đầu bờ	Hội nghị	1

II. RAU ĂN CŨ

2.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		165
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	20
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	20
-	Tưới nước	Công	10
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Phòng trừ chuột	Công	5
-	Bón phân	Công	10
-	Thu hoạch	Công	15

-	Làm sạch hạt	Công	10
-	Phơi sấy	Công	2
-	Phân loại, đóng gói	Công	4
-	Dọn tàn dư TN	Công	5
2	Công lao động kỹ thuật		120
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	40
	Tĩa, thải loại, bao chụp cách ly giữ và nhân giống	Công	55
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Thuê người dẫn đường đi thu thập mẫu	Công/mẫu	1
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m ²	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	100
-	Phân chuồng/phân hữu cơ sinh học	Tấn	3/1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	30
-	P ₂ O ₅	Kg	80
-	K ₂ O	Kg	30
-	Trấu(rom)phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	30
-	Thuốc bệnh	Kg	1
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Phân bón vi lượng	Kg	2
-	Vật liệu quây chụp cách ly chọn dòng (Vải cách ly chuyên dụng)	Kg	50
2	Vật tư, dụng cụ khác		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5

	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao xi măng đựng hạt	Kg	5
	Dây tưới	m	300
	Bình phun thuốc	Cái	1
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thuốc kẹp	Cái	2
	Thuốc dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
-	Ủng	Đôi	5
-	Găng tay	Đôi	20
-	Nón, mũ	Chiếc	5
-	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
-	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
-	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
-	Xăng bơm nước, phun thuốc	Lít	40
-	Dầu diezen bơm nước	Lít	100
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.2. Thí nghiệm tạo nguồn vật liệu khởi đầu

Tính cho 1000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		165
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất +Lên luống	Công	20
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	20
-	Chăm sóc (Tưới nước, dặm, làm cỏ, bón phân ...)	Công	40
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Diệt và phòng trừ chuột	Công	5
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Thu hoạch, Làm sạch hạt, Phơi sấy	Công	27
-	Phân loại, đóng gói	Công	4
-	Dọn tàn dư TN	Công	5
2	Công lao động kỹ thuật		165

-	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
-	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	30
-	Quay chụp cách ly chọn lọc dòng, khử độc, lai tạo	Công	110
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m ²	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	100
-	Phân chuồng/phân hữu cơ sinh học	Tấn	3/1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	45
-	P₂O₅	Kg	75
-	K₂O	Kg	45
-	Trấu(rom)phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	30
-	Thuốc bệnh	Kg	1.5
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Vật liệu quay chụp cách ly chọn lọc (Vải cách ly chuyên dụng)	Kg	50
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Phân vi lượng	Kg	2
2	Vật tư, dụng cụ khác		
	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao xi măng đựng hạt	Kg	5
	Dây tưới	m	300
	Bình phun thuốc	Cái	1

	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
-	Dao, kéo	Bộ	2
-	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
-	Ủng	Đôi	5
-	Găng tay	Đôi	20
-	Nón, mũ	Chiếc	5
-	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
-	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
-	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
-	Xăng phun thuốc	Lít	40
-	Dầu diezen bơm nước	Lít	100
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		161
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất + Lên luống	Công	20
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	20
-	Chăm sóc (Tưới nước, dặm, làm cỏ, bón phân...)	Công	30
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Diệt và phòng chuột	Công	5
-	Thu hoạch	Công	27
-	Dọn tàn dư TN	Công	5
2	Công lao động kỹ thuật		105
-	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	15
-	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
-	Đánh giá xác định công thức, tổ hợp lai triển vọng	Công	15
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m ²	1000

-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Nguyên nhiên vật liệu</i>		
-	Giống	Mẫu	30
-	Khay gieo hạt	Cái	110
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	30
-	Phân chuồng Hoặc thay bằng phân hữu cơ sinh học	Tấn Kg	3 1000
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	45
-	P ₂ O ₅	Kg	75
-	K ₂ O	Kg	45
-	Trấu (rom) phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	30
-	Thuốc bệnh	Kg	1,5
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Phân vi lượng	Kg	2
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	90
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao xi măng đựng hạt	Kg	5
	Dây tưới	m	300
	Bình phun thuốc	Cái	1
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20

	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
-	Điện (tưới nước)	KW/tháng	100
-	Xăng phun thuốc	Lít	40
-	Dầu diezen bơm nước	Lít	100
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.4. Khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		1.100
-	Cắt cỏ	Công	100
-	Làm đất + Lên luống	Công	100
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	120
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	60
-	Chăm sóc (Tưới nước, dặm, làm cỏ, bón phân...)	Công	400
-	Đào mương thoát nước	Công	60
-	Phun thuốc BVTV	Công	50
-	Diệt và phòng chuột	Công	20
-	Thu hoạch	Công	120
-	Dọn tàn dư TN	Công	70
2	Công lao động kỹ thuật		195
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí mô hình	Công	30
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
	Phụ cấp chỉ đạo mô hình	Tháng	5
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	5
-	Thuê đất	ha	1
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
-	Phụ cấp cán bộ địa phương phối hợp chỉ đạo mô hình	tháng	5
-	Thuê đất	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		0
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống		
	Su hào, cà rốt.....	kg	1-2
	Cải củ,	kg	20-25

-	Khay gieo hạt	Cái	750
	Phân chuồng	Tấn	30
-	Hoặc phân hữu cơ sinh học	Kg	10.000
-	N	Kg	450
-	P ₂ O ₅	Kg	750
-	K ₂ O	Kg	450
-	Trấu(rom)phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	500
-	Thuốc bệnh	Kg	10
-	Thuốc xử lý đất	kg	30
-	Thuốc Trừ sâu	Kg	15
-	Phân vi lượng	Kg	20
2	Vật tư, dụng cụ khác		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	10
	Quang gánh, sào	Đôi	10
	Thùng tưới	Đôi	10
	Liềm	Cái	15
	Cuốc	Cái	10
	Dầm	Cái	50
	Xẻng	Cái	10
	Rổ nhựa	Cái	30
	Dây tưới	m	1000
	Bình phun thuốc	Cái	5
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
-	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
-	Điện (bơm nước)	KW/tháng	100
-	Xăng (dầu diezen) bơm nước, phun thuốc	Lít	400
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2
	Hội nghị đầu bờ	Hội nghị	1

Ghi chú: Mô hình tại cơ sở nghiên cứu : Hỗ trợ 100% các loại chi phí; Mô hình ngoài sản xuất: Hỗ trợ giống 100%, hỗ trợ vật tư và công lao động phổ thông 50% chi phí.

III. RAU ĂN QUẢ CÓ CẮM GIÀN

3.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		200
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	5
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	5
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	5
-	Tưới nước	Công	10
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Phòng trừ chuột....	Công	5
-	Bón phân	Công	10
-	Cắm cọc, buộc giàn	Công	10
-	Buộc cây, tía nhánh	Công	25
-	Thu hoạch	Công	15
-	Bổ, tách hạt	Công	10
-	Làm sạch hạt	Công	10
-	Phơi sấy	Công	2
-	Phân loại, đóng gói	Công	4
-	Dọn tàn dư TN	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		145
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
	Theo dõi TN, thu thập số liệu, thu mẫu	Công	30
	Chọn cây, bao hoa, thụ phấn	Công	90
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m ²	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi trong vườn ươm	Cái	100
	Phân chuồng	Tấn	3
-	Hoặc phân hữu cơ sinh học	Tấn	1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	35

-	P_2O_5	Kg	100
-	K_2O	Kg	40
-	Trấu(rom)phủ	Tấn	0.5
-	Vôi bột	Kg	50
-	Thuốc bệnh	Kg	1
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Dóc cắm giàn	Cây	5000
-	Dây buộc	Kg	10
-	Nilon phủ đất	Cuộn	3
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
	Vật liệu bao cách ly (Bông hoặc ghim kẹp hoa)	kg	5
	Dụng cụ lai (Panh, kéo)	Bộ	10
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
-	Bao đựng hạt	Cái	400
-	Dây tưới	m	300
-	Máy bơm nước	cái	1
-	Bình phun thuốc	cái	1
-	Máy đo độ Brix cầm tay	cái	2
-	Máy đo pH cầm tay	cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
-	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
-	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
	Xăng bơm nước, phun thuốc	Lít	40
	Dầu diezen bơm nước	Lít	100
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.2. Thí nghiệm tạo nguồn vật liệu khởi đầu

Tính cho 1.000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		200
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	5
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	5
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	5
-	Tưới nước	Công	10
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Phòng trừ chuột....	Công	5
-	Bón phân	Công	10
-	Cắm cọc, buộc giàn	Công	10
-	Buộc cây, tía nhánh	Công	25
-	Thu hoạch	Công	15
-	Bỏ, tách hạt	Công	10
-	Làm sạch hạt	Công	10
-	Phơi sấy	Công	2
-	Phân loại, đóng gói	Công	4
-	Dọn tàn dư TN	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		215
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	30
	Chọn cây, khử độc, bao hoa, thụ phấn, lai...	Công	160
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m ²	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	100
	Phân chuồng	Tấn	3
-	Hoặc phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	35

-	P_2O_5	Kg	100
-	K_2O	Kg	40
-	Trấu (rơm) phủ	Tấn	0,5
-	Vôi bột	Kg	50
-	Thuốc bệnh	Kg	1
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Dóc cắm giàn	Cây	5000
-	Dây buộc	Kg	10
-	Nilon phủ đất	Cuộn	3
-	Vật liệu bao cách ly (Bông hoặc ghim kẹp hoa)	kg	5
-	Dụng cụ lai (Panh, kéo)		10
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao đựng hạt	Cái	1.000
	Dây tưới	m	300
	Máy bơm nước	cái	1
	Bình phun thuốc	cái	1
	Máy đo độ Brix cầm tay	cái	2
	Máy đo pH cầm tay	cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
-	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
	Xăng (dầu diezen) bơm nước, phun thuốc	Lít	140
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		196
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	5
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	15
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	5
-	Tưới nước	Công	10
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Phòng trừ chuột....	Công	5
-	Bón phân	Công	10
-	Cắm cọc, buộc giàn	Công	10
-	Buộc cây, tía nhánh	Công	25
-	Thu hoạch	Công	25
-	Dọn tàn dư TN	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		105
-	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	15
-	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
-	Đánh giá xác định công thức, tổ hợp lai triển vọng	Công	15
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
2	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m ²	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	100
-	Phân chuồng/phân hữu cơ sinh học	Tấn	3/1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300

-	N	Kg	45
-	P₂O₅	Kg	75
-	K₂O	Kg	45
-	Trấu (rơm) phủ	Tấn	0,5
-	Vôi bột	Kg	50
-	Thuốc bệnh	Kg	1
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Dóc cắm giàn	Cây	5000
-	Dây buộc	Kg	10
-	Nilon phủ đất	Cuộn	3
-	Phân bón lá, vi lượng	Kg	2
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao đựng hạt	Cái	400
	Dây tưới	m	300
	Máy bơm nước	cái	1
	Bình phun thuốc	cái	1
	Máy đo độ Brix cầm tay	cái	2
	Máy đo pH cầm tay	cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
	Điện (bơm nước)	KW/tháng	200

	Xăng (dầu diezen) bơm nước, phun thuốc	Lít	140
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.4. Khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		1.550
-	Cắt cỏ	Công	100
-	Làm đất + Lên luống	Công	100
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	120
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	60
-	Chăm sóc (Tưới nước, dặm, làm cỏ, bón phân...)	Công	600
-	Cắm giàn, buộc cây		250
-	Đào mương thoát nước	Công	60
-	Phun thuốc BVTV	Công	50
-	Diệt và phòng chuột	Công	20
-	Thu hoạch	Công	120
-	Dọn tàn dư TN	Công	70
2	Công lao động kỹ thuật		105
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí mô hình	Công	30
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
	Phụ cấp chỉ đạo mô hình	Tháng	5
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	5
-	Thuê đất	ha	1
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
-	Phụ cấp cán bộ địa phương phối hợp chỉ đạo mô hình	tháng	5
-	Thuê đất	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống		
	Cà chua, ớt, dưa chuột	kg	0,5 -1,5
	Đậu rau	kg	40-50
-	Khay gieo hạt	Cái	750
	Phân chuồng	Tấn	30
-	Hoặc phân hữu cơ sinh học	Tấn	10
-	N	Kg	450
-	P₂O₅	Kg	750
-	K₂O	Kg	450

-	Trấu(rom)phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	500
-	Thuốc bệnh	Kg	10
-	Thuốc xử lý đất	kg	30
-	Thuốc Trừ sâu	Kg	15
-	Phân vi lượng	Kg	20
2	Vật tư, dụng cụ khác		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	10
	Quang gánh, sào	Đôi	10
	Thùng tưới	Đôi	10
	Liềm	Cái	15
	Cuốc	Cái	10
	Dầm	Cái	50
	Xẻng	Cái	10
	Rổ nhựa	Cái	30
	Dây tưới	m	1000
	Bình phun thuốc	Cái	5
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy đo độ Brix cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
-	Biên thí nghiệm	Chiếc	1
3	Năng lượng		
-	Điện (bơm nước)	KW/tháng	100
-	Xăng (dầu) bơm nước, phun thuốc	Lít	400
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2
	Hội nghị đầu bờ	Hội nghị	1

IV. RAU ĂN QUẢ KHÔNG CẮM GIÀN

4.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		185
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10

-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	5
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	5
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	5
-	Tưới nước	Công	10
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Phòng trừ chuột...	Công	5
-	Bón phân	Công	10
-	Buộc cây, tía nhánh	Công	20
-	Thu hoạch	Công	15
-	Bỏ, tách hạt	Công	10
-	Làm sạch hạt	Công	10
-	Phơi sấy	Công	2
-	Phân loại, đóng gói	Công	4
-	Dọn tàn dư TN	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		145
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	30
	Chọn cây, bao hoa, thụ phấn	Công	90
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m ²	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi trong vườn ươm	Cái	100
	Phân chuồng	Tấn	3
-	Hoặc phân hữu cơ sinh học	Tấn	1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	35
-	P₂O₅	Kg	100
-	K₂O	Kg	40
-	Trấu (rom) phủ	Tấn	0,5
-	Vôi bột	Kg	50
-	Thuốc bệnh	Kg	1

-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Nilon phủ đất	Cuộn	3
-	Vật liệu bao cách ly (Bông không thấm nước hoặc ghim kẹp hoa)	kg	5
-	Dụng cụ lai (Panh, kéo)	Bộ	10
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
-	Bao đựng hạt	Cái	400
-	Dây tưới	m	300
-	Máy bơm nước	cái	1
-	Bình phun thuốc	cái	1
-	Máy đo độ Brix cầm tay	cái	2
-	Máy đo pH cầm tay	cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
-	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
-	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
	Xăng (dầu) bơm nước, phun thuốc	Lít	140
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

4.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1.000 m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
----	----------	-------------	----------

I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		185
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	5
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	5
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	5
-	Tưới nước	Công	10
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Phòng trừ chuột....	Công	5
-	Bón phân	Công	10
-	Tỉa nhánh	Công	20
-	Thu hoạch	Công	15
-	Bỏ, tách hạt	Công	10
-	Làm sạch hạt	Công	10
-	Phơi sấy	Công	2
-	Phân loại, đóng gói	Công	4
-	Dọn tàn dư TN	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		215
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	10
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	30
	Chọn cây, khử độc, bao hoa, thụ phấn, lai...	Công	160
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m2	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi trong vườn ươm	Cái	100
	Phân chuồng	Tấn	3
-	Hoặc phân hữu cơ sinh học	Tấn	1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	35

-	P_2O_5	Kg	100
-	K_2O	Kg	40
-	Trấu (rom) phủ	Tấn	0,5
-	Vôi bột	Kg	50
-	Thuốc bệnh	Kg	1
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Nilon phủ đất	Cuộn	3
-	Vật liệu bao cách ly (Bông không thấm nước hoặc ghim kẹp hoa)	kg	5
-	Dụng cụ lai (Panh, kéo)		10
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao đựng hạt	Cái	1000
	Dây tưới	m	300
	Máy bơm nước	cái	1
	Bình phun thuốc	cái	1
	Máy đo độ Brix cầm tay	cái	2
	Máy đo pH cầm tay	cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
-	Điện (sấy hạt và bảo quản hạt giống...)	KW/tháng	200
	Xăng (dầu) bơm nước, phun thuốc	Lít	140

III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)
------------	---	--------------------

4.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1.000m²

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		175
-	Cắt cỏ	Công	10
-	Làm đất	Công	10
-	Lên luống	Công	10
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	5
-	Phủ luống, đục lỗ	Công	10
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	10
-	Trồng cây	Công	15
-	Chăm sóc (dặm, làm cỏ...)	Công	5
-	Tưới nước	Công	10
-	Đào mương thoát nước	Công	10
-	Phun thuốc BVTV	Công	14
-	Phòng trừ chuột....	Công	5
-	Bón phân	Công	10
-	Tia nhánh	Công	20
-	Thu hoạch	Công	25
-	Dọn tàn dư TN	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		105
-	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	15
-	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
-	Đánh giá xác định công thức, tổ hợp lai triển vọng	Công	15
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
2	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	100
-	Thuê đất	m2	1000
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống	Mẫu	100
-	Khay gieo hạt	Cái	100
-	Thẻ ghi số TT trong vườn ươm	Cái	100
-	Phân chuồng/phân hữu cơ sinh học	Tấn	3/1
-	Giá thể đóng bầu gieo hạt	Kg	300
-	N	Kg	45

-	P_2O_5	Kg	75
-	K_2O	Kg	45
-	Trấu (rom) phủ	Tấn	0,5
-	Vôi bột	Kg	50
-	Thuốc bệnh	Kg	1
-	Thuốc xử lý đất	kg	3
-	Thuốc trừ sâu	Kg	1,5
-	Nilon phủ đất	Cuộn	3
-	Phân bón lá, vi lượng	Kg	2
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	5
-	Cọc thẻ TN	Chiếc	100
	Quang gánh, sào	Đôi	3
	Thùng tưới	Đôi	3
	Liềm	Cái	5
	Cuốc	Cái	2
	Dầm	Cái	5
	Xẻng	Cái	1
	Rổ nhựa	Cái	20
	Nia, mẹt	Cái	10
	Bao đựng hạt	Cái	400
	Dây tưới	m	300
	Máy bơm nước	cái	1
	Bình phun thuốc	cái	1
	Máy đo độ Brix cầm tay	cái	2
	Máy đo pH cầm tay	cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	5
	Ủng	Đôi	5
	Găng tay	Đôi	20
	Nón, mũ	Chiếc	5
	Thẻ nhựa đánh dấu cây	Chiếc	600
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
	Điện (bơm nước)	KW/tháng	200
	Xăng (dầu) phun thuốc	Lít	40
	Dầu diezen bơm nước	Lít	100
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

4.4. Khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		1.100
-	Cắt cỏ	Công	100
-	Làm đất + Lên luống	Công	100
-	Rạch hàng, bón phân lót, xử lý đất	Công	120
-	Gieo hạt, chăm sóc cây con	Công	60
-	Chăm sóc (Tưới nước, dặm, làm cỏ, bón phân...)	Công	400
-	Đào mương thoát nước	Công	60
-	Phun thuốc BVTV	Công	50
-	Diệt và phòng chuột	Công	20
-	Thu hoạch	Công	120
-	Dọn tàn dư TN	Công	70
2	Công lao động kỹ thuật		105
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí mô hình	Công	30
	Theo dõi TN, hướng dẫn công LĐPT, thu thập số liệu	Công	60
	Xử lý số liệu, viết báo cáo,...	Công	15
	Phụ cấp chỉ đạo mô hình	Tháng	5
3	Thuê mướn khác		
-	Phân tích mẫu	Mẫu	5
-	Thuê đất	ha	1
-	Thuê bảo vệ	tháng	5
-	Phụ cấp cán bộ địa phương phối hợp chỉ đạo mô hình	tháng	5
-	Thuê đất	ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên nhiên vật liệu		
-	Giống		
	Cà chua, ớt, dưa chuột	kg	0,5 -1,5
	Đậu rau	kg	40-50
-	Khay gieo hạt	Cái	750
-	Phân chuồng/phân hữu cơ sinh học	Tấn	30/10
-	N	Kg	450
-	P₂O₅	Kg	750
-	K₂O	Kg	450
-	Trấu(rom)phủ	Tấn	1
-	Vôi bột	Kg	500
-	Thuốc bệnh	Kg	10
-	Thuốc xử lý đất	kg	30

-	Thuốc trừ sâu	Kg	15
-	Phân vi lượng	Kg	20
2	<i>Vật tư, dụng cụ khác</i>		
-	Túi nilon thu mẫu	Kg	10
	Quang gánh, sào	Đôi	10
	Thùng tưới	Đôi	10
	Liềm	Cái	15
	Cuốc	Cái	10
	Dầm	Cái	50
	Xẻng	Cái	10
	Rổ nhựa	Cái	30
	Dây tưới	m	1000
	Bình phun thuốc	Cái	5
	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
	Máy đo độ Brix cầm tay	Cái	1
	Máy bơm nước	Cái	1
	Thước kẹp	Cái	2
	Thước dây	Cái	2
	Dao, kéo	Bộ	2
-	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
3	<i>Năng lượng</i>		
-	Điện (bơm nước)	KW/tháng	100
-	Xăng phun thuốc	Lít	100
-	Dầu diezen bơm nước	Lít	300
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
2	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2
6	Hội nghị đầu bờ	Hội nghị	1

Phụ lục VII.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CÂY HOA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I. NHÓM HOA CẮT CÀNH

1.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000m²/6 tháng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		250
	Làm đất	công	7
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	220
	Thu hoạch, phân loại...	công	23
2	Công lao động kỹ thuật		210
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180
	Tia, thải loại cây	công	5
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	15
3	Thuê mướn khác		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	6
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Cầm chướng, cát tường, ...	Cây	35.000
	Cúc	Cây	40.000
	Hồng, đồng tiền	Cây	6.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	100
	P₂O₅	Kg	150
	K₂O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	1
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1

	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng</i>		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Lưới đỡ cây	kg	30
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	<i>Năng lượng</i>		
	Điện	KWh	500
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1.000m²/6 tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	<i>Công lao động phổ thông</i>		250
	Làm đất	công	7
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	220
	Thu hoạch, phân loại...	công	23
2	<i>Công lao động kỹ thuật</i>		240
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180
	Thực hiện các thao tác kỹ thuật (lai, xử lý đột biến...)	công	30
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	20
3	<i>Công thuê mướn</i>		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	6
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Giống</i>		
	Cầm chướng, cát tường, ...	Cây	35.000
	Cúc	Cây	40.000
	Hồng, đồng tiền	Cây	6.000
2	<i>Vật tư</i>		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3

	N	Kg	100
	P₂O₅	Kg	150
	K₂O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	1
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Lưới đỡ cây	kg	30
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	500
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1.000m²/6 tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		250
	Làm đất	công	7
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	220
	Thu hoạch, phân loại	công	23
2	Công lao động kỹ thuật		230
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180
	Thực hiện các thao tác kỹ thuật	công	25
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	15
3	Công thuê mướn		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	6
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		

	Cắm churong, cát tường, ...	Cây	35.000
	Cúc	Cây	40.000
	Hồng, đồng tiền	Cây	6.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	1 00
	P ₂ O ₅	Kg	150
	K ₂ O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	1
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
	Vật tư thí nghiệm đặc thù		
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Lưới đỡ cây	kg	30
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	500
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

1.4. Khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1ha/6 tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		250
	Làm đất	công	7
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	220
	Thu hoạch, phân loại	công	23
2	Công lao động kỹ thuật		
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	15
	Phụ cấp chỉ đạo kỹ thuật	tháng	6
3	Thuê khoán khác		
	Phụ cấp cán bộ địa phương chỉ đạo	tháng	6
	Thuê đất	m ²	1.000

	Thuê bảo vệ	tháng	6
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Cắm churóng, cát tường, ...	Cây	35.000
	Cúc	Cây	40.000
	Hồng, đồng tiền	Cây	6.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	100
	P₂O₅	Kg	150
	K₂O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	1
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
3	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Lưới đỡ cây	kg	30
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
4	Năng lượng		
	Điện	KWh	500
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Tập huấn	Lớp	1
	Hội nghị đầu bờ	Lần	1
	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2

II. NHÓM CÂY HOA TRỒNG TỪ CỦ

2.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000m²/6 tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		260
	Làm đất	công	10
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	225
	Thu hoạch, phân loại	công	25
2	Công lao động kỹ thuật		210
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180

	Tĩa, thải loại cây	công	5
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	15
3	<i>Thuê mướn khác</i>		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	6
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Giống</i>		
	Giống hoa lily	Củ	25.000
	Giống loa kèn, lay ơn ...	Củ	30.000
2	<i>Vật tư</i>		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	100
	P₂O₅	Kg	150
	K₂O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
3	<i>Dụng cụ, phụ tùng</i>		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng</i>		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Lưới đỡ cây	kg	30
	Chậu trồng cây	Chiếc	5.000
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	<i>Năng lượng</i>		
	Điện	KWh	500
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1000 m²/6 tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		

1	Công lao động phổ thông		250
	Làm đất	công	10
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	220
	Thu hoạch, phân loại	công	20
2	Công lao động kỹ thuật		240
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180
	Thực hiện các thao tác kỹ thuật (lai, xử lý đột biến...)	công	30
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	20
3	Công thuê mướn		
	Thuê máy làm đất	m2	1.000
	Thuê đất	m2	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	6
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống hoa lily	Củ	25.000
	Giống loa kèn, lay ơn ...	Củ	30.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	100
	P₂O₅	Kg	150
	K₂O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m2	1.200
	Lưới đỡ cây	kg	30
	Chậu trồng cây	Chiếc	5.000
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	500

	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1000 m²/6 tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		250
	Làm đất	công	10
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	220
	Thu hoạch, phân loại	công	20
2	Công lao động kỹ thuật		230
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180
	Thực hiện các thao tác kỹ thuật	công	25
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	15
3	Thuê mướn khác		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	6
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống hoa lily	Củ	25.000
	Giống loa kèn, lay ơn ...	Củ	30.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	100
	P₂O₅	Kg	150
	K₂O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
	Vật tư thí nghiệm đặc thù		
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200

	Lưới đỡ cây	kg	30
	Chậu trồng cây	Chiếc	5.000
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	500
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

2.4. Khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha/6 tháng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		250
	Làm đất	công	10
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	220
	Thu hoạch, phân loại	công	20
2	Công lao động kỹ thuật		
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	180
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	10
	Phụ cấp chỉ đạo kỹ thuật	tháng	6
3	Thuê khoán khác		
	Phụ cấp cán bộ địa phương chỉ đạo	tháng	6
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	tháng	6
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống hoa lily	Củ	25.000
	Giống loa kèn, lay on ...	Củ	30.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	100
	P₂O₅	Kg	150
	K₂O	Kg	100
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3
3	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150

	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Lưới đỡ cây	kg	30
	Chậu trồng cây	Chiếc	5.000
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	3
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
4	Năng lượng		
	Điện	KWh	500
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	20
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Tập huấn	Lớp	1
	Hội nghị đầu bờ	Lần	1
	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2

III. NHÓM HOA CHẬU, HOA THẨM

3.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000m²/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
	Chuẩn bị giá thể	công	12
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	260
	Thu hoạch, phân loại..	công	28
2	Công lao động kỹ thuật		310
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	270
	Tia, thải loại cây	công	5
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	25
3	Thuê mướn khác		
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	12
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống hoa lan	Chậu	30.000
	Giống hồng môn, phượng lê, ..	Chậu	20.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	Giá thể trồng cây	kg	1.000
	Phân NPK tổng hợp	Kg	70

	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Máy đo cường độ ánh sáng	Chiếc	1
	Dụng cụ đo nhiệt độ, ẩm độ	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Chậu trồng hồng môn, phượng lê	chiếc	20.000
	Chậu trồng lan	Chiếc	30.000
	Khay đựng bầu lan	chiếc	2.000
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	2000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1.000m²/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		320
	Chuẩn bị giá thể	công	12
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	280
	Thu hoạch, phân loại	công	28
2	Công lao động kỹ thuật		345
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	270
	Thực hiện các thao tác kỹ thuật (lai, xử lý đột biến...)	công	45
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	25
3	Thuê mướn khác		
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	12
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		

1	Giống		
	Giống hoa lan	Chậu	30.000
	Giống hồng môn, phượng lê, ..	Chậu	20.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	Giá thể trồng cây	kg	1.000
	Phân NPK tổng hợp	Kg	70
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Máy đo cường độ ánh sáng	Chiếc	1
	Dụng cụ đo nhiệt độ, ẩm độ	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Chậu trồng hồng môn, phượng lê	chiếc	20.000
	Chậu trồng lan	Chiếc	30.000
	Khay đựng bầu lan	chiếc	2.000
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	2000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1000 m²/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
	Chuẩn bị giá thể	công	12
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	270
	Thu hoạch, phân loại	công	28
2	Công lao động kỹ thuật		350
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	270

	Thực hiện các thao tác kỹ thuật	công	45
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	25
3	<i>Thuê mướn khác</i>		
	Thuê đất	M ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	12
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Giống</i>		
	Giống hoa lan	Chậu	30.000
	Giống hồng môn, phượng lê, ..	Chậu	20.000
2	<i>Vật tư</i>		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	Giá thể trồng cây	kg	1.000
	Phân NPK tổng hợp	Kg	70
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
	Vật tư thí nghiệm đặc thù		
3	<i>Dụng cụ, phụ tùng</i>		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Máy đo cường độ ánh sáng	Chiếc	1
	Dụng cụ đo nhiệt độ, ẩm độ	Chiếc	1
4	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng</i>		
	Chậu trồng hồng môn, phượng lê	chiếc	20.000
	Chậu trồng lan	Chiếc	30.000
	Khay đựng bầu lan	chiếc	2.000
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	10
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	100
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	<i>Năng lượng</i>		
	Điện	KWh	2000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.4. Khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1000m²/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
----	----------	-------------	----------

I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
	Chuẩn bị giá thể	công	15
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	260
	Thu hoạch, phân loại	công	25
2	Công lao động kỹ thuật		
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	270
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	20
	Phụ cấp chỉ đạo kỹ thuật	tháng	12
3	Thuê mướn khác		
	Phụ cấp cán bộ địa phương chỉ đạo	tháng	12
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	tháng	12
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống hoa lan	Chậu	30.000
	Giống hồng môn, phượng lê, ..	Chậu	20.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	Giá thể trồng cây	kg	1.000
	Phân NPK tổng hợp	Kg	70
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
3	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Chậu trồng hồng môn, phượng lê	chiếc	20.000
	Chậu trồng lan	Chiếc	30.000
	Khay đựng bầu lan	chiếc	2.000
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
4	Năng lượng		
	Điện	KWh	2000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Tập huấn	Lớp	1
	Hội nghị đầu bờ	Lần	1
	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2

IV. NHÓM CÂY CẢNH

4.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1.000m²/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
	Làm đất	công	12
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	260
	Thu hoạch, phân loại	công	28
2	Công lao động kỹ thuật		190
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	150
	Tĩa, thải loại cây	công	5
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	25
3	Thuê mướn khác		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	12
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống	Cây	1.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	160
	P ₂ O ₅	Kg	300
	K ₂ O	Kg	160
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	5

	Thẻ thí nghiệm	chiếc	50
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	1000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

4.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1000m²/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
	Làm đất	công	12
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	280
	Thu hoạch, phân loại...	công	28
2	Công lao động kỹ thuật		230
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	150
	Thực hiện các thao tác kỹ thuật (lai, xử lý đột biến...)	công	45
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	25
3	Thuê mướn khác		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	12
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống	Cây	1.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	160
	P₂O₅	Kg	300
	K₂O	Kg	160
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		

	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	5
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	50
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	1000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

4.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1000m²/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
	Làm đất	công	12
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	260
	Thu hoạch, phân loại	công	28
2	Công lao động kỹ thuật		220
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	công	10
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	150
	Thực hiện các thao tác kỹ thuật	công	35
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	25
3	Thuê mướn khác		
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	12
	Thuê phân tích mẫu	Mẫu	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống	Cây	1.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	160
	P₂O₅	Kg	300
	K₂O	Kg	160
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
	Vật tư thí nghiệm đặc thù		
3	Dụng cụ, phụ tùng		
	Máy đo pH, EC	Chiếc	1

	Bình phun thuốc	Chiếc	1
	Máy bơm nước	Chiếc	1
4	Vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	5
	Thẻ thí nghiệm	chiếc	50
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
5	Năng lượng		
	Điện	KWh	1000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

4.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
	Làm đất	công	12
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh...	công	260
	Thu hoạch, phân loại	công	28
2	Công lao động kỹ thuật		
	Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật	công	150
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	20
	Phụ cấp chỉ đạo kỹ thuật	tháng	12
3	Thuê mướn khác		
	Phụ cấp cán bộ địa phương chỉ đạo	tháng	12
	Thuê máy làm đất	m ²	1.000
	Thuê đất	m ²	1.000
	Thuê bảo vệ	Tháng	12
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Giống		
	Giống	Cây	1.000
2	Vật tư		
	Phân chuồng/phân vi sinh/hữu cơ sinh học	Tấn	4/ 0,4/ 3
	N	Kg	160
	P₂O₅	Kg	300
	K₂O	Kg	160
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	6
3	Vật rẻ tiền mau hỏng		

	Dây tưới	m	150
	Lưới đen che nắng	m ²	1.200
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Vật dụng khác (quang gánh, cuốc, xẻng, găng tay...)	Bộ	2
4	Năng lượng		
	Điện	KWh	1000
	Xăng dầu (chạy máy bơm nước, phun thuốc)	Lít	40
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Tập huấn	Lớp	1
	Hội nghị đầu bờ	Lần	1
	Thuê xe kiểm tra đánh giá mô hình	Chuyến	2

Phụ lục VIII.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. CÂY ĂN QUẢ THUỘC HỌ BÒ HÒN (nhãn, vải, chôm chôm)

1.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		500
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	350
	Thu hoạch	Công	100
2	Công kỹ thuật		400
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	60
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	250
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	90
3	Thuê khác		
	Phân tích mẫu	Mẫu	500
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	300
	Vật liệu che phủ đất (rơm, rạ ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	800
	P₂O₅	Kg	1200
	K₂O	Kg	800
	Túi bao quả	Túi	6000
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ thí nghiệm		

	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước...	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu	Chiếc	6000
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

1.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Đơn vị tính 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		600
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	450
	Thu hoạch	Công	100
2	Công kỹ thuật		1.300
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	100
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	250
	Công khử độc	Công	150
	Công bao cách ly	Công	100
	Công lai	Công	300
	Công xử lý đột biến	Công	100
	Công thu mẫu	Công	100
	Công bảo quản mẫu, làm sạch hạt	Công	100
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	100
3	Thuê khác		
	Phân tích mẫu	Mẫu	50
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	4
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		

	Cây giống	Cây	400
	Vật liệu che phủ đất (rom, rạ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	Đạm	Kg	800
	Kali	Kg	1200
	Lân	Kg	800
	Túi bao quả	Túi	6000
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước		
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu	Chiếc	7.000
	Túi bao cách ly	Chiếc	10.000
	Panh	Chiếc	10
	Đĩa petry	Chiếc	50
	Cồn	Lít	5
	Kéo cắt bao phần	Chiếc	10
	Găng tay	Đôi	50
	Dây buộc	Cuộn	5
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

1.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
----	----------	-------------	----------

I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		500
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	350
	Thu hoạch	Công	100
2	Công kỹ thuật		400
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	60
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	250
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	90
3	Thuê khác		
	Phân tích mẫu	Mẫu	500
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	400
	Vật liệu che phủ đất (rơm, rạ ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	800
	P₂O₅	Kg	1200
	K₂O	Kg	800
	Túi bao quả	Túi	3000
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ thí nghiệm		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước...	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu	Chiếc	3000
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4

III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

1.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		500
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	350
	Thu hoạch	Công	100
2	Công kỹ thuật		300
	Hướng dẫn kỹ thuật	Công	50
	Thuê cán bộ địa phương chỉ đạo	Công	100
	Theo dõi, đánh giá	Công	100
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	50
3	Thuê khác		
	Phân tích mẫu	Mẫu	10
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	400
	Vật liệu che phủ đất (rơm, rạ ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	800
	P₂O₅	Kg	1200
	K₂O	Kg	800
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ thí nghiệm		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước		1
	Dây tưới	Mét	200

	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu, Túi bao	Chiếc	100
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Hội nghị đầu bờ	Hội nghị	1
	Tập huấn	Lớp	1
	Thuê xe	Km	6.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	80
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	60

II. CÂY ĂN QUẢ CÓ MÙI (bưởi, cam, quýt)

2.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 400-800 cây/ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		1.850
	Chuẩn bị đất, đào hố	công	200
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	công	1.500
	Thu hoạch	công	100
	Công khác	công	50
2	Công kỹ thuật		680
	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm (bao gồm cả thiết kế thí nghiệm và chỉ đạo làm thí nghiệm)	công	544
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	136
II	Nguyên vật liệu. năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống		800
	Phân chuồng	tấn	40
	N	kg	800
	P₂O₅	kg	1.200
	K₂O	kg	400
	NPK	kg	1.200
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	20
	Thuốc BVTV (bao gồm cả xử lý đất)	Kg/lít	40
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Nước tưới		
3	Dụng cụ. phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dụng cụ. phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	1

III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)
------------	---	--------------------

2.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		1.900
	Chuẩn bị đất, đào hố	công	250
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	công	1.500
	Thu hoạch	công	100
	Công khác	công	50
2	Công kỹ thuật		900
	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm (bao gồm cả thiết kế thí nghiệm và chỉ đạo làm thí nghiệm)	công	500
	Phân tích chất lượng quả	công	300
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	100
II	Nguyên vật liệu. năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	2.000
	Phân chuồng	tấn	40
	N	kg	1.000
	P ₂ O ₅	kg	2.500
	K ₂ O	kg	500
	Phân N-P-K	kg	2.000
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	20
	Thuốc BVTV (bao gồm cả xử lý đất)	kg	40
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Nước tưới		
3	Dụng cụ. phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dụng cụ. phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	1
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
1	Công tác phí, văn phòng phẩm, in ấn....		

2.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		1.850
	Chuẩn bị đất, đào hố	công	200
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	công	1.500
	Thu hoạch	công	100
	Công khác	công	50

2	Công kỹ thuật		780
	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm (bao gồm cả thiết kế thí công và chỉ đạo làm thí nghiệm)	công	544
	Phân tích chất lượng quả	công	100
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	136
II	Nguyên vật liệu. năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	800
	Phân chuồng	tấn	40
	N	kg	800
	P ₂ O ₅	kg	1.200
	K ₂ O	kg	800
	Phân N-P-K	kg	1.200
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	20
	Thuốc BVTV (bao gồm cả xử lý đất)	kg	40
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện	Kw	
	Nước tưới		
3	Dụng cụ. phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dụng cụ. phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	1
III	Chi khác		
1	Công tác phí, văn phòng phẩm, in ấn....		

2.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		-
	Chuẩn bị đất, đào hố	công	-
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	công	-
	Thu hoạch	công	-
	Công khác	công	-
2	Công kỹ thuật		400
	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm (bao gồm cả thiết kế thí công và chỉ đạo làm thí nghiệm)	công	240
	Phân tích mẫu quả	công	100
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	60
II	Nguyên vật liệu. năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống		400-800
	Phân chuồng	tấn	-
	N	kg	400

	P_2O_5	kg	1.200
	K_2O	kg	400
	Phân N-P-K	kg	1.200
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	10
	Thuốc BVTV (bao gồm cả xử lý đất)	kg	15
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Nước tưới		
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	1
III	Chi khác		

III. CÂY ĂN QUẢ NHIỆT ĐỚI (xoài, măng cụt, sầu riêng, bơ, mít)

3.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 500 cây/ha/năm, cây 4 năm tuổi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công kỹ thuật	Công	800
	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm (bao gồm cả thiết kế thí công và chỉ đạo làm thí nghiệm)	công	700
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	100
2	Công lao động phổ thông		1050
	Chuẩn bị đất, đào hố	công	200
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	công	700
	Thu hoạch	công	100
	Công khác	công	50
II	Nguyên vật liệu, năng lượng	Lít/Kw	2.000
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	cây	500
	Phân chuồng	Tấn	20
	N	kg	800
	P_2O_5	kg	1,000
	K_2O	kg	800
	Phân N-P-K	kg	1.200
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	10
	Thuốc BVTV (gồm cả thuốc xử lý đất)	kg	40
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Nước tưới		
3	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	1
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Văn phòng phẩm, in ấn		

3.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1.000 cây/ha/năm

TT	Nội dung (Chăm sóc cây 3 năm tuổi/năm)	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công kỹ thuật		1050
	Công lai, xử lý đột biến	công	500
	Theo dõi các chỉ tiêu (thiết kế thí công và chỉ đạo)	công	400
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	150
2	Công lao động phổ thông		1.050
	Chuẩn bị đất, đào hố	công	300
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	công	600
	Thu hoạch	công	100
	Công khác	công	50
II	Nguyên vật liệu, năng lượng	Lít/Kw	2.000
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	cây	1,000
	Phân chuồng	Tấn	20
	N	kg	1,000
	P₂O₅	kg	1,500
	K₂O	kg	1,000
	Phân N-P-K	kg	1,200
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	15
	Thuốc BVTV (gồm cả thuốc xử lý đất)	Kg	40
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Nước tưới		
3	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	2
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 500 cây/ha/năm

TT	Nội dung (Chăm sóc cây trên 5 năm tuổi/năm)	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công kỹ thuật		1.050
	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm (bao gồm cả thiết kế thí công và chỉ đạo làm thí nghiệm)	công	900
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	150
2	Công lao động phổ thông		1.100
	Chuẩn bị đất, đào hố	công	200
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	công	700
	Thu hoạch	công	100
	Công khác	công	100
II	Nguyên vật liệu, năng lượng	Lít/Kw	2.000
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	cây	500

	Phân chuồng	Tấn	20
	N	kg	1.000
	P₂O₅	kg	1.250
	K₂O	kg	1.000
	Phân N-P-K	kg	1.200
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	15
	Thuốc BVTV (gồm cả thuốc xử lý đất)	Kg	40
2	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	1
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

3.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 500 cây/ha/năm

TT	Nội dung (Chăm sóc cây 2 năm tuổi/năm)	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công kỹ thuật		1.150
	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm (bao gồm cả thiết kế thí công và chỉ đạo làm thí nghiệm)	công	800
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	công	150
2	Công lao động phổ thông		
3	Thuê khoán khác		
	Công chỉ đạo địa phương	công	200
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	cây	500
	Phân chuồng	Tấn	10
	N	kg	500
	P₂O₅	kg	800
	K₂O	kg	250
	Phân N-P-K	kg	800
	Phân vi lượng, kích thích ST	kg	5
	Thuốc BVTV (gồm cả thuốc xử lý đất)	Kg	20
2	Năng lượng, nhiên liệu	Lít/Kw	2.000
3	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Bộ	1
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

IV. CÂY ĂN QUẢ ÔN ĐỐI KHÁC (lê, hồng, na, ổi, mận, đào, táo...)

4.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		500

	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	350
	Thu hoạch	Công	100
2	<i>Lao động kỹ thuật</i>		400
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	60
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	250
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	90
3	<i>Thuê khác</i>		
	Phân tích mẫu	Mẫu	100
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Nguyên vật liệu</i>		
	Cây giống	Cây	400
	Vật liệu che phủ đất (rom, rạ ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	600
	P₂O₅	Kg	800
	K₂O	Kg	600
	Túi bao	Túi	6000
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	<i>Năng lượng, nhiên liệu</i>		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	<i>Dụng cụ thí nghiệm</i>		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Dây tưới	m	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước...	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu	Chiếc	6000
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

4.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông	Công	600
	Chuẩn bị đất, đào hố		50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh		450
	Thu hoạch		100
2	Công kỹ thuật	Công	1.300
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm		100
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật		250
	Công khử độc		150
	Công bao cách ly		100
	Công lai		300
	Công xử lý đột biến		100
	Công thu mẫu		100
	Công bảo quản mẫu, làm sạch hạt		100
	Xử lý số liệu, viết báo cáo		100
3	Thuê khoán khác		
	Phân tích mẫu	Mẫu	50
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	6
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	400
	Vật liệu che phủ đất (rom, rạ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	600
	P₂O₅	Kg	800
	K₂O	Kg	600
	Túi bao quả	Túi	6000
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100

3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước		
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu	Chiếc	7.000
	Túi bao cách ly	Chiếc	10.000
	Panh	Chiếc	10
	Đĩa petry	Chiếc	50
	Cồn	Lít	5
	Kéo cắt bao phần	Chiếc	10
	Găng tay	Đôi	50
	Dây buộc	Cuộn	5
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

4.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		500
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	350
	Thu hoạch	Công	100
2	Công kỹ thuật		400
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	60
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	250
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	90
3	Thuê khác		

	Phân tích mẫu	Mẫu	500
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	400
	Vật liệu che phủ đất (rom, rạ ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	800
	P₂O₅	Kg	1200
	K₂O	Kg	800
	Túi bao quả	Túi	3000
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ thí nghiệm		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước...	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu	Chiếc	3000
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

4.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		500

	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	50
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	350
	Thu hoạch	Công	100
2	Công kỹ thuật		300
	Hướng dẫn kỹ thuật	Công	50
	Thuê cán bộ địa phương chỉ đạo	Công	100
	Theo dõi, đánh giá	Công	100
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	50
3	Thuê khác		
	Phân tích mẫu	Mẫu	10
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	400
	Vật liệu che phủ đất (rơm rạ...)	Tấn	10
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	600
	P ₂ O ₅	Kg	600
	K ₂ O	Kg	800
	Túi bao	Túi	
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ thí nghiệm		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước		1
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2
	Túi đựng mẫu	Chiếc	100
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4

III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Hội nghị đầu bờ	Hội nghị	1
	Tập huấn	Lớp	1
	Thuê xe	Km	6.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	80
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	60

V. CÂY CHUỐI, DỨA, ĐU ĐỦ

5.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, lưu giữ nguồn gen

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	<i>Lao động phổ thông</i>		750
	Chuẩn bị đất, đào hố, trải phân	Công	150
	Trồng, chăm sóc, cắt tia lá già, phòng trừ sâu bệnh, ...	Công	450
	Thu hoạch	Công	150
2	<i>Công kỹ thuật</i>		550
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	150
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	300
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	100
3	<i>Thuê khác</i>		
	Phân tích mẫu		
	- Cây chuối (4 m ² /cây x 5 cây/mẫu giống)	Mẫu	500
	- Cây đu đủ (4 m ² /cây x 10 cây/mẫu giống)	Mẫu	250
	- Cây dứa (10 m ² /mẫu)	Mẫu	1.000
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Nguyên vật liệu</i>		
	Cây giống		
	- Giống chuối	Cây	2.500
	- Giống đu đủ	Cây	2.500
	- Giống dứa	Cây	60.000
	Màng phủ nông nghiệp	Cuộn	30
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	1.500
	P₂O₅	Kg	750
	K₂O	Kg	2.250
	Túi bao	Túi	
	- Bao buồng chuối	-	2.500
	- Bao quả đu đủ (20 quả/cây)	-	50.000

	- Bao quả dưa	-	60.000
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ thí nghiệm		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Nilon quây bảo vệ cây	Kg	30
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2
	Liềm, dằm	Chiếc	5
	Túi đựng mẫu	Chiếc	
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

5.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		750
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	150
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	450
	Thu hoạch	Công	150
2	Công kỹ thuật		1.350
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	150
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	250
	Công khử độc	Công	150
	Công bao cách ly	Công	100

	Công lai	Công	300
	Công xử lý dọt biến	Công	100
	Công thu mẫu	Công	100
	Công bảo quản mẫu, làm sạch hạt	Công	100
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	100
3	<i>Thuê khác</i>		
	Phân tích mẫu	Mẫu	50
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	6
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu. năng lượng		
1	<i>Nguyên vật liệu</i>		
	Cây giống	Cây	
	- Giống chuối	-	2.500
	- Giống đu đủ	-	2.500
	- Giống dứa	-	60.000
	Màng phủ nông nghiệp	Cuộn	30
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	1.500
	P₂O₅	Kg	750
	K₂O	Kg	2.250
	Túi bao	Túi	
	- Bao buồng chuối	-	2.500
	- Bao quả đu đủ (20 quả/cây)	-	50.000
	- Bao quả dứa	-	60.000
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	<i>Năng lượng, nhiên liệu</i>		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	<i>Dụng cụ. phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng</i>		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước		
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Nilon quây bảo vệ cây	Kg	30
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2

	Liềm, dằm	Chiếc	5
	Túi đựng mẫu	Chiếc	7.000
	Túi bao cách ly	Chiếc	10.000
	Panh	Chiếc	10
	Đĩa petry	Chiếc	50
	Cồn	Lít	5
	Kéo cắt bao phần	Chiếc	10
	Găng tay	Đôi	50
	Dây buộc	Cuộn	5
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

5.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		750
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	150
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	450
	Thu hoạch	Công	150
2	Công kỹ thuật		550
	Soạn, chuẩn bị mẫu, thiết kế, bố trí thí nghiệm	Công	150
	Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật	Công	300
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	100
3	Thuê khác		
	Phân tích mẫu	Mẫu	50
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên vật liệu		
	Cây giống	Cây	
	- Giống chuối	-	2.500
	- Giống đu đủ	-	2.500
	- Giống dứa	-	60.000
	Màng phủ nông nghiệp	Cuộn	30
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	1.500
	P₂O₅	Kg	750
	K₂O	Kg	2.250

	Túi bao	Túi	
	- Bao buồng chuối	-	2500
	- Bao quả đu đủ (20 quả/cây)	-	50.000
	- Bao quả dừa	-	60000
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	Năng lượng, nhiên liệu		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	Dụng cụ thí nghiệm		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	400
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước	Chiếc	1
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Nilon quây bảo vệ cây	Kg	30
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2
	Liềm, dằm	Chiếc	5
	Túi đựng mẫu	Chiếc	
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1
	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Thuê xe	Km	5.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	100
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	80

5.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Lao động phổ thông		750
	Chuẩn bị đất, đào hố	Công	150
	Trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	450
	Thu hoạch	Công	150
2	Công kỹ thuật		520
	Hướng dẫn kỹ thuật	Công	50
	Thuê cán bộ địa phương chỉ đạo	Công	300

	Theo dõi, đánh giá	Công	70
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	100
3	<i>Thuê khác</i>		
	Phân tích mẫu	Mẫu	10
	Bảo vệ thí nghiệm	Tháng	3
	Thuê đất làm thí nghiệm	Ha	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Nguyên vật liệu</i>		
	Cây giống	Cây	
	- Giống chuối	-	2.500
	- Giống đu đủ	-	2.500
	- Giống dứa	-	60.000
	Màng phủ nông nghiệp	Cuộn	30
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/3
	N	Kg	1.500
	P₂O₅	Kg	750
	K₂O	Kg	2.250
	Túi bao	Túi	
	- Bao buồng chuối	-	2500
	- Bao quả đu đủ	-	
	- Bao quả dứa	-	60000
	Phân vi lượng, kích thích ST	Kg	20
	Thuốc BVTV	Kg	20
	Thuốc xử lý đất	Kg	30
2	<i>Năng lượng, nhiên liệu</i>		
	Điện bơm nước	Kw/h	300
	Xăng dầu phun thuốc	Lít	100
3	<i>Dụng cụ thí nghiệm</i>		
	Biển thí nghiệm	Chiếc	1
	Thẻ thí nghiệm	Chiếc	50
	Bình phun thuốc	Chiếc	2
	Máy bơm nước		1
	Dây tưới	Mét	200
	Kéo cắt cành, quả,...	Chiếc	5
	Cọc chống	Chiếc	10.000
	Nilon quây bảo vệ cây	Kg	30
	Cuốc	Chiếc	2
	Xẻng	Chiếc	2
	Quang gánh, thùng tưới, gáo múc nước	Chiếc	2
	Liềm, dằm	Chiếc	5
	Túi đựng mẫu	Chiếc	
	Dụng cụ theo dõi thí nghiệm	Bộ	1

	Bảo hộ lao động	Bộ	4
III	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Hội nghị đầu bờ	Hội nghị	1
	Tập huấn	Lớp	1
	Thuê xe	Km	6.000
	Phụ cấp lưu trú	Ngày/người	80
	Thuê nhà nghỉ	Đêm/người	60

Phụ lục IX.

**ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ
CÂY CÔNG NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I. CÂY CHÈ, CÀ PHÊ, DÂU TẦM, CAO SU...

1.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, chọn dòng

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		(theo cây)
-	Sản xuất cây con	Công	150
-	Làm đất	Công	150
	Trồng, chăm sóc		
	Dâu tằm		900
	Chè		550
-	Cao su-cà phê	Công	300
	Thu hoạch		
	Dâu tằm		600
	Chè		500
-	Cao su-cà phê	Công	300
-	Công khác	Công	80
2	Công lao động kỹ thuật		500
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	400
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	100
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	10
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống		
-	Cao su	Cây	700

-	Chè	Cây	25.000
-	Dâu	Cây	50.000
-	Cà phê	Cây	12.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	Đạm U rê + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.500 150 600 2.500
	Super lân + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.000 150 1.500 3.000
	Kali clorua + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.500 800 600 2.500
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15 % KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

1.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		(theo cây)
-	Sản xuất cây con	Công	500
-	Làm đất	Công	250
	Trồng, chăm sóc Dâu tằm Chè Cao su-cà phê	Công	700 500 200
	Thu hoạch Dâu tằm Chè Cao su-cà phê	Công	600 500 300
-	Công khác	Công	250
2	Công lao động kỹ thuật		700

-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	500
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	200
3	<i>Thuê mướn khác</i>		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	10
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	<i>Nguyên, nhiên vật liệu</i>		
1.1	Giống		
-	Cao su	Cây	700
-	Chè	Cây	25.000
-	Dâu	Cây	50.000
-	Cà phê	Cây	12.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	Đạm U rê + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	2.000 150 600 2.500
	Lân super lân + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.000 150 1.500 3.000
	Kali Clorua + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	2.000 800 600 2.500
2	<i>Năng lượng</i>	Theo thực tế, <15 % KP thí nghiệm	
3	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,</i>	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

1.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

1.3.1. Trồng mới

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	<i>Công lao động phổ thông</i>		<i>(theo cây)</i>
-	Sản xuất cây con	Công	150

-	Làm đất	Công	450
	Trồng, chăm sóc		
	Dâu tằm		700
	Chè		500
	Cao su-cà phê	Công	200
-	Thu hoạch	Công	100
-	Công khác	Công	100
2	Công lao động kỹ thuật		420
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	320
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	100
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	10
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống		
-	Cao su	Cây	700
-	Chè	Cây	25.000
-	Dâu	Cây	50.000
-	Cà phê	Cây	12.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	Đạm U rê + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.000 75 300 1250
	Lân Super + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	500 75 750 1500
	Kali Clorua + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1000 400 300 1250
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15 % KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

1.3.2. Kiến thiết cơ bản

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		(theo cây)
-	Chăm sóc, đốn tỉa, tạo tán,..	Công	400
-	Công khác	Công	100
-	Thu hoạch Dâu tằm Chè Cao su-cà phê	Công	600 500 300
2	Công lao động kỹ thuật		150
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	120
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	30
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	10
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Phân bón		
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
-	Phân vô cơ		
	Đạm Urê + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.000 200 450 2.500
	Lân Super + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	500 200 750 3.000
	Kali Clorua + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.000 80 450 2.500
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

1.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		(theo cây)
-	Sản xuất cây con	Công	250
-	Làm đất	Công	250
-	Trồng, chăm sóc Dâu tằm Chè Cao su-cà phê	Công	700 500 200
-	Thu hoạch Dâu tằm Chè Cao su-cà phê	Công	700 500 300
-	Công khác	Công	250
2	Công lao động kỹ thuật		200
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	160
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	400
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	10
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống		
-	Cao su	Cây	700
-	Chè	Cây	25.000
-	Dâu	Cây	50.000
-	Cà phê	Cây	12.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/ phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	Đạm Urê + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	2.000 150 600 2.500
	Lân Super + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	1.000 150 1.500 3.000

	Kali Clorua + Cây chè: + Cây cao su: + Cây cà phê: + Cây dâu:	Kg	2.000 800 600 2.500
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

II. CÂY CA CAO, ĐIỀU, BƠ, MÍT, DỪA.

2.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, chọn dòng

Tính cho 1ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động giản đơn		200
-	Làm đất, đào hố	Công	50
-	Trồng chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	90
-	Thu hoạch	Công	40
-	Công khác	Công	20
2	Công lao động kỹ thuật		100
-	Theo dõi các chỉ tiêu TN (bao gồm cả thiết kế thí công và chỉ đạo thí nghiệm)	Công	80
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	Công	20
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
	Cây giống	Cây	1.200
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
	N	Kg	250
	P₂O₅	Kg	500
	K₂O	Kg	300
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc BVTV, hóa chất khác (cả xử lý đất)	Kg ai	8
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	
4	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5

2.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		

1	Công lao động giản đơn		800
-	Làm đất, đào hố	Công	160
-	Trồng chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	400
-	Thu hoạch	Công	160
-	Công khác	Công	80
2	Công lao động kỹ thuật		350
-	Theo dõi các chỉ tiêu TN (thiết kế và chỉ đạo)	Công	200
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	Công	150
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
	Cây giống	Cây	1.200
	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
	N	Kg	300
	P₂O₅	Kg	500
	K₂O	Kg	300
	Phân vi lượng, kích thích sinh trưởng	Kg	2
	Thuốc BVTV, hóa chất khác (cả xử lý đất)	Kg ai	8
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

2.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

2.3.1. Trồng mới

Tính cho 1ha/năm

TT	Khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động giản đơn		200
-	Làm đất, đào hố	Công	50
-	Trồng chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh	Công	100
-	Thu hoạch	Công	40
-	Công khác	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		250
-	Theo dõi các chỉ tiêu TN (bao gồm cả thiết kế thí công và chỉ đạo thí nghiệm)	Công	150
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	Công	100
3	Thuê mướn khác		

-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
-	Cây giống	Cây	1.200
-	N	Kg	150
-	P₂O₅	Kg	550
-	K₂O	Kg	100
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Vôi bột	Kg	500
-	Rác từ nguồn gốc thực vật	Tấn	40
-	Thuốc BVTV	Kg ai	8
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

2.3.2. Kiến thiết cơ bản

Tính cho 1 ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động giản đơn		200
-	Chăm sóc, tía tán, phòng trừ sâu bệnh...	Công	170
-	Thu hoạch	Công	20
-	Công khác	Công	10
2	Công lao động kỹ thuật		75
-	Theo dõi các chỉ tiêu TN (thiết kế và chỉ đạo)	Công	60
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	Công	15
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	50
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
-	Cây giống	%	10
-	N	Kg	250
-	P₂O₅	Kg	550
-	K₂O	Kg	300
-	Vôi bột	Kg	500
-	Thuốc BVTV	Kg	8
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15 % KP thí nghiệm	

3	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,</i>	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm
---	--	----------------------------------

2.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1ha/năm

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
<i>1</i>	<i>Công lao động giản đơn</i>		
<i>2</i>	<i>Công lao động kỹ thuật</i>		50
-	Theo dõi các chỉ tiêu TN (thiết kế và chỉ đạo)	Công	40
	Xử lý số liệu, báo cáo thí nghiệm	Công	10
<i>3</i>	<i>Thuê mướn khác</i>		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	50
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
<i>1</i>	<i>Nguyên, nhiên vật liệu</i>		
-	Cây giống	Cây	1.200
-	N	Kg	350
-	P ₂ O ₅	Kg	500
-	K ₂ O	Kg	400
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Vôi bột	Kg	500
	Rác từ nguồn gốc thực vật	Tấn	40
-	Thuốc BVTV	Kg ai	8
-	Máy bơm	cái	2
<i>2</i>	<i>Năng lượng</i>	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
<i>3</i>	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,</i>	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

III. CÂY MÍA

3.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, chọn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
<i>1</i>	<i>Công lao động phổ thông</i>		460
-	Sản xuất cây con	Công	100
-	Làm đất	Công	60
-	Trồng, chăm sóc	Công	150
-	Thu hoạch, làm hạt	Công	100
-	Công khác	Công	50
<i>2</i>	<i>Công lao động kỹ thuật</i>		130
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	100
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	30

3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	30
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Tấn hom	10.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	10/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	150
	P₂O₅	Kg	400
	K₂O	Kg	400
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

3.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		750
-	Sản xuất cây con	Công	100
-	Làm đất	Công	100
-	Trồng, chăm sóc	Công	250
-	Thu hoạch, làm hạt	Công	100
-	Công khác	Công	50
2	Công lao động kỹ thuật		230
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	200
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	30
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	30
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Tấn hom	10.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/Phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	150
	P₂O₅	Kg	800
	K₂O	Kg	400

2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm

3.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		460
-	Sản xuất cây con	Công	100
-	Làm đất	Công	60
-	Trồng, chăm sóc	Công	150
-	Thu hoạch, làm hạt	Công	100
-	Công khác	Công	50
2	Công lao động kỹ thuật		180
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	150
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	30
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Tấn hom	10.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/Phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	150
	P₂O₅	Kg	800
	K₂O	Kg	400
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

3.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		300
-	Trồng, chăm sóc	Công	150
-	Thu hoạch, làm hạt	Công	100
-	Công khác	Công	50
2	Công lao động kỹ thuật		80
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	50

-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	30
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	100
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Tấn hom	10.000
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	10/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	150
	P₂O₅	Kg	800
	K₂O	Kg	400
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

IV. CÂY HỒ TIÊU

4.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, chọn dòng

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuế khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		750
-	Sản xuất cây con	Công	75
-	Làm đất	Công	75
-	Trồng, chăm sóc	Công	450
-	Thu hoạch, làm hạt	Công	112
-	Công khác	Công	38
2	Công lao động kỹ thuật		200
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	160
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	40
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	30
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Cây	3.500
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng	Tấn	10
-	Phân vi lượng	Kg	2

-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	750
	P₂O₅	Kg	1.500
	K₂O	Kg	750
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

4.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		750
-	Sản xuất cây con	Công	100
-	Làm đất	Công	100
-	Trồng, chăm sóc	Công	250
-	Thu hoạch, làm hạt	Công	100
-	Công khác	Công	50
2	Công lao động kỹ thuật		250
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	200
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	50
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	30
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Cây	3.500
1.2	Phân bón		
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	750
	P₂O₅	Kg	1.500
	K₂O	Kg	750
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

4.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác và khảo nghiệm tác giả

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		400

-	Sản xuất cây con	Công	40
-	Làm đất	Công	80
-	Trồng, chăm sóc	Công	200
-	Thu hoạch,	Công	80
2	Công lao động kỹ thuật		150
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	120
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	30
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	30
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Cây	3.500
1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/Phân vi sinh	Tấn	30/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	500
	P₂O₅	Kg	700
	K₂O	Kg	300
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15% KP thí nghiệm	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% KP thí nghiệm	

4.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuê khoán chuyên môn		
1	Công lao động phổ thông		
-	Trồng, chăm sóc	Công	
-	Thu hoạch, làm hạt	Công	
-	Công khác	Công	
2	Công lao động kỹ thuật		200
-	Theo dõi các chỉ tiêu thí nghiệm	Công	160
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	Công	40
3	Thuê mướn khác		
-	Bảo vệ đồng ruộng	Công	30
-	Phân tích mẫu	Mẫu	150
-	Thuê thiết bị (máy bơm, thiết bị canh tác,...)	Ca	5
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1	Nguyên, nhiên vật liệu		
1.1	Giống	Cây	3.500

1.2	Phân bón		
-	Phân chuồng/phân vi sinh	Tấn	10/5
-	Phân vi lượng	Kg	2
-	Thuốc BVTV	Kg	8
	N	Kg	1.000
	P₂O₅	Kg	1.200
	K₂O	Kg	600
2	Năng lượng	Theo thực tế, <15 % kinh phí cho TN	
3	Vật rẻ tiền mau hỏng, dụng cụ thí nghiệm,	Theo thực tế, <10% kinh phí cho TN	

V. NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CON TẮM

5.1. Thí nghiệm đánh giá tập đoàn, chọn dòng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Định mức cho 40 ổ trứng/lúa			
			Độc hệ	Lưỡng hệ	Đa hệ	Tầm sản
I	Thuê khoán chuyên môn		174	172	166	154
1.	Công kỹ thuật		96	95	90	80
-	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi tằm	công	4	4	4	4
-	Ấp trứng tằm	công	12	12	10	8
-	Điều tra, theo dõi, ghi chép...	công	25	24	23	22
-	Chọn kén giống	công	5	5	5	6
-	Nhân giống	công	15	15	15	20
-	Sát trùng mật trứng	công	4	4	2	2
-	Chiếu kính kiểm tra bệnh	công	13	13	13	13
-	Kiểm nghiệm tơ kén (công/mẫu)	công	13	13	13	0
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	5	5	5	5
-	Văn phòng phẩm					
2.	Công phổ thông		78	77	76	74
-	Nuôi tằm	công	25	24	23	18
-	Cho tằm ăn đêm	công	12	12	12	12
-	Gỡ kén	công	5	5	5	5
-	Cắt phân biệt đực - cái	công	10	10	10	10
-	Giao phối, chỉnh đôi, cho đẻ,..	công	12	12	12	15
-	Công độc hại	công	4	4	4	4
-	Vệ sinh nhà và dụng cụ nuôi tằm	công	10	10	10	10
II	Nguyên vật liệu, năng lượng					
1.	Nguyên liệu, hoá chất					
-	Lá dâu (lá thầu dầu, lá sắn)	kg	500	480	400	520
-	Clorua vôi	Kg	10	10	10	10
-	Phoocmol	kg	10	10	10	10
-	Thuốc bệnh tằm	hộp	20	20	20	20

-	Vôi bột	kg	20	20	20	20
2.	<i>Dụng cụ thí nghiệm</i>					
-	Đùi tre	cái	4	4	4	4
-	Nong nuôi tằm, nhân giống	cái	80	80	80	80
-	Né tre	cái	40	40	40	40
-	Giấy Ka rập	kg	5	5	5	5
-	Bếp than tổ ong	cái	2	2	2	2
3.	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng</i>					
-	Hộp ngài	cái	40	40	40	40
-	Báo cũ	kg	5	5	5	5
-	Biểu nuôi tằm	cái	40	40	40	40
-	Rơm làm né	kg	40	40	40	40
-	Dây thép buộc né	kg	5	5	5	5
-	Phễu cấp 1	phên	80	80	80	80
-	Ấm nhiệt kế	cái	2	2	2	2
-	Vải phủ dâu	m	20	20	20	20
-	Bạt đựng dâu	m	20	20	20	20
-	Bảo hộ lao động	bộ	2	2	2	2
-	Rổ, dao, thớt, dằm, dệp, chổi...	bộ	2	2	2	2
4.	<i>Năng lượng, điện, nước</i>					
-	Than tổ ong	kg	350	350	300	300
-	Điện nuôi tằm, nhân giống	KW	350	350	300	300
-	Điện kho lạnh bảo quản trứng	KW	600	600	500	500
-	Điện sấy mẫu bệnh, chiếu kính	KW/ mẫu	450	450	300	400
-	Điện sấy mẫu kén, uơm tơ	KW	10	10	10	0
-	Nước rửa nhà, giặt nong	m3	20	20	20	20

5.2. Thí nghiệm tạo vật liệu khởi đầu

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức cho 40 ổ trứng/lứa
I.	Thuê khoán chuyên môn		205
1.	<i>Công kỹ thuật</i>		111
-	Theo dõi các chỉ tiêu thời kỳ trứng	công	12
-	Điều tra, theo dõi các chỉ tiêu sinh học và kinh tế	công	20
-	Chọn lọc kén giống	công	10
-	Nhân giống	công	15
-	Xử lý Acid + sát trùng mặt trứng	công	6
-	Bắt mẫu, kiểm tra bệnh gai	công	13
-	Kiểm tra các chỉ tiêu công nghệ tơ kén	Công	30

-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	5
2.	<i>Công phổ thông</i>		94
-	Nuôi tằm	công	40
-	Hái dâu	công	20
-	Gỡ kén, bảo quản kén giống	công	10
-	Cắt kén, phân biệt đực – cái	công	10
-	Công độc hại	công	4
-	Vệ sinh nhà và dụng cụ nuôi tằm	công	10
II.	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1.	<i>Nguyên liệu, hoá chất</i>		
-	Lá dâu	kg	600
-	Clorua vôi	Kg	10
-	Phoocmol	kg	10
-	Acid HCL	kg	20
-	Thuốc bệnh tằm	hộp	20
-	Vôi bột	kg	20
2.	<i>Dụng cụ thí nghiệm</i>		
-	Đũa tre	cái	4
-	Nong nuôi tằm, nhân giống	cái	80
-	Né tre	cái	40
-	Giấy Ka ráp cho ngải đẻ	kg	10
-	Bếp than tổ ong	cái	2
3.	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng</i>		
-	Hộp ngải	cái	100
-	Báo cũ	kg	10
-	Biểu nuôi tằm	cái	40
-	Rơm làm né	kg	40
-	Dây thép buộc né	kg	5
-	Phễu cấp 1	phên	80
-	Ấm nhiệt kế	cái	2
-	Vải phủ dâu	m	20
-	Bạt đựng dâu	m	20
-	Bảo hộ lao động	bộ	2
-	Rỗ, rá, dao, thớt, dĩa, dép, chổi...	bộ	2
4.	<i>Năng lượng, điện, nước</i>		
-	Than tổ ong	kg	300
-	Điện nuôi tằm, nhân giống	KW	300
-	Điện kho lạnh bảo quản trứng	KW	500
-	Điện sấy mẫu bệnh, chiếu kính	KW	400
-	Điện sấy mẫu kén, ươm tơ	KW	300

-	Nước rửa nhà, giặt nong	m3	20
---	-------------------------	----	----

5.3. Thí nghiệm so sánh, biện pháp kỹ thuật canh tác

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức cho 40 ổ trứng/lứa
I.	Thuê khoán chuyên môn		
1.	Công kỹ thuật		94
-	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi tằm	công	4
-	Ấp trứng tằm	công	12
-	Điều tra, theo dõi giai đoạn tằm	công	25
-	Điều tra, theo dõi giai đoạn kén	công	15
-	Nhân giống	công	15
-	Xử lý Acid + sát trùng mặt trứng	công	4
-	Chiếu kính kiểm tra bệnh	công	13
-	Kiểm nghiệm tơ kén	Công/mẫu	3
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	5
2.	Công phổ thông		98
-	Đếm trứng	Cộng	1
-	Nuôi tằm	công	25
-	Hái dâu	công	25
-	Cho tằm ăn đêm	công	12
-	Gỡ kén	công	5
-	Cắt phân biệt đực - cái	công	10
-	Vệ sinh nhà và dụng cụ nuôi tằm	công	10
-	Công độc hại	công	5
II.	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1.	Nguyên liệu, hoá chất		
-	Lá dâu	kg	600
-	Kén giống	kg	100
-	Cloruvôi	Kg	15
-	Phoocmol	kg	20
-	Acid HCL	kg	100
-	Thuốc bệnh tằm	hộp	20
-	Vôi bột	kg	20
2.	Dụng cụ thí nghiệm		
-	Đùi tre	cái	4
-	Giá đỡ	cái	1
-	Nong nuôi tằm, nhân giống	cái	80
-	Né tre	cái	40
-	Giấy Ka ráp	kg	20

-	Bếp than tổ ong	cái	2
-	Bộ xử lý axit	Bộ	1
3.	<i>Vật rẻ tiền mau hỏng</i>		
-	Hộp ngải	cái	40
-	Bảo cũ	kg	5
-	Biểu nuôi tằm	cái	40
-	Biển thí nghiệm to	cái	1
-	Biển thí nghiệm nhỏ	cái	40
-	Rơm làm né	kg	100
-	Dây thép buộc né	kg	10
-	Phễu cấp 1	phên	80
-	Ấm nhiệt kế	cái	2
-	Vải phủ dâu	m	20
-	Bạt đựng dâu	m	20
-	Bảo hộ lao động	bộ	2
-	Rổ, rá, dao, thớt, dĩa, dĩa, chổi...	bộ	2
4.	<i>Năng lượng, điện, nước</i>		
-	Than tổ ong	kg	500
-	Điện nuôi tằm, nhân giống	KW	300
-	Điện kho lạnh bảo quản trứng	KW	500
-	Điện sấy mẫu bệnh, chiếu kính	KW	400
-	Điện sấy mẫu kén, ươm tơ	KW	300
-	Nước rửa nhà, giặt nong	m ³	20

5.4. Khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử nghiệm giống mới

Tính cho 1 ha (3 lứa)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng
I.	Thuê khoán chuyên môn		
-	Cán bộ địa phương chỉ đạo (1 người)	Tháng	5
-	Cán bộ chuyên môn chỉ đạo (1 người)	Tháng	5
-	Ấp trứng	công	30
-	Xử lý Acid + sát trùng mặt trứng	công	12
-	Chiếu kính kiểm tra bệnh	công	39
-	Kiểm nghiệm tơ kén	Công/mẫu	3
-	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	10
II.	Nguyên vật liệu, năng lượng		
1.	<i>Nguyên liệu, hoá chất</i>		
-	Trứng giống	vòng	100
-	Lá dâu (Lá thầu dầu, lá sắn)	kg	23.000
-	Cloruvôi	Kg	300
-	Phoocmol	kg	250
-	Acid HCL	kg	100

-	Thuốc bệnh tằm	hộp	500
-	Vôi bột	kg	500
2.	Vật rẻ tiền mau hỏng		
-	Hộp ngải	Hộp	600
-	Ni lon	kg	300
-	Nong	Cái	500
-	Né	cái	500
-	Dây thép buộc né	kg	20
-	Ấm nhiệt kế	cái	10
-	Vải phủ dâu	m3	100
-	Bạt đựng dâu	m3	100
3.	Năng lượng, điện, nước		
-	Than	kg	5000
-	Điện	KW	1000
III.	Chi khác(Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
1	Hội nghị đầu bờ		
-	Đại biểu	Người	50
-	Thuê xe đưa đón đại biểu	Chuyến	1
2	Chi khác		
	Công tác phí	ngày	90
	Lưu trú	ngày	87

5.5. Thí nghiệm kiểm tra các chỉ tiêu công nghệ sợi tơ

TT	Nội dung chi	ĐVT	Định mức (5 kg kén/mẫu)
I	Thuê khoán		
1	Công kỹ thuật		
	Ươm công nghiệp (xác định chiều dài tơ đơn; % lên tơ; % tơ nỡ; % tơ gốc; % áo nhộng; Tiêu hao nguyên liệu)	Công	1
	Ươm kiểm tra độ sạch, độ gai gút tơ kén	Công	1
	Ươm tơ đơn (Xác định độ không đều về độ mảnh giữa các kén)	Công	2
	Ươm kiểm tra chất lượng sợi tơ (mẫu lớn)	Công	3
	Phân tích và xử lý số liệu	Công	2
2	Công phổ thông		
	Bóc áo kén, phân loại kén thí nghiệm	Công	0.5
	Điều tra kén (TL toàn kén, TL vỏ kén, % vỏ)	Công	1
	Cân và sấy mẫu thí nghiệm	Công	1
	Vệ sinh, sát trùng phòng thí nghiệm	Công	0.5
	Bảo quản mẫu thí nghiệm	Công	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
2.1	Nguyên vật liệu		
	Mua kén kiểm tra chất lượng tơ	kg	5

	Hạt hút ẩm	kg	1
	Vật rẻ tiền mau hỏng (rỗ, ca, hộp giới thiệu SP, túi...)		300.000
2.2	Dụng cụ thí nghiệm		
	Dây con thao	mét	10
	Nồi nấu kén	Cái	1
2.3	Năng lượng		
	Điện	KW	10
	Nước	m ³	1
III.	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	
	Văn phòng phẩm (giấy, mực in, photo....)		500.000

5.6. Thí nghiệm phân tích các chỉ tiêu sinh hóa sợi tơ

TT	Nội dung chi	ĐVT (công)	Định mức (2 kg kén/mẫu)
I	Thuê khoán		
1	Công kỹ thuật		
	Xác định trọng lượng khô tuyệt đối	Công	1
	Xác định mức độ hòa tan keo	Công	2
	Xác định tro khô	Công	0
	Xác định xericin	Công	3
	Xác định fibroin	Công	3
	Xác định axit - amin	Công	4
	Phân tích và đọc kết quả thí nghiệm	Công	2
2	Công phổ thông		
	Cắt nhỏ cùi kén	Công	1
	Rửa cốc chén thí nghiệm	Công	1
	Theo dõi từ sấy mẫu	Công	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
2.1	Nguyên vật liệu		
	Mua kén để phân tích mẫu	kg	2
	Hóa chất	kg	1
	Vật rẻ tiền mau hỏng (cốc chén, túi đựng mẫu,...)		100.000
2.2	Năng lượng		
	Điện	KW	10
	Nước	m ³	1
III.	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

5.7. Thí nghiệm phân tích các chỉ tiêu sinh lý sợi tơ

TT	Nội dung chi	ĐVT (đồng)	Định mức (2 kg kén/mẫu)
----	--------------	------------	----------------------------

I	Thuê khoán		
1	Công kỹ thuật		
	Xác định độ đứt	Công	1
	Xác định độ bền	Công	2
	Xác định độ giãn	Công	2
	Xác định độ bao hợp (kết dính)	Công	2
	Phân tích và đọc kết quả thí nghiệm	Công	1
2	Công phổ thông		
	Ươm tơ 2 kg/mẫu	Công	1
	Vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị	Công	1
	Guồng tơ, cân mẫu thí nghiệm	Công	1
II	Nguyên vật liệu, năng lượng		
2.1	Nguyên vật liệu		
	Mua kén để phân tích mẫu	Kg	2
	Vật rẻ tiền mau hỏng (túi đựng mẫu, ...)		100.000
2.2	Năng lượng		
	Điện	KW	10
	Nước	m ³	1
III.	Chi khác (Theo quy định và thực tế của đề tài)	(theo mẫu dự toán)	

5.8. Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen con tằm

TT	Nội dung chi	ĐVT	Định mức cho 40 ổ trứng/lứa			
			Độc hệ	Lưỡng hệ	Đa hệ	Tằm sản
I.	Thuê khoán chuyên môn		174	172	166	154
1.	Công phổ thông		78	77	76	74
	Nuôi tằm	công	25	24	23	18
	Cho tằm ăn đêm	công	12	12	12	12
	Gỡ kén	công	5	5	5	5
	Cắt phân biệt đực - cái	công	10	10	10	10
	Giao phối, chỉnh đôi, cho đẻ,..	công	12	12	12	15
	Công độc hại	công	4	4	4	4
	Vệ sinh nhà và dụng cụ nuôi tằm	công	10	10	10	10
2	Công kỹ thuật		96	95	90	80
	Bố trí thí nghiệm	công	4	4	4	4
	Ấp trứng tằm	công	12	12	10	8
	Điều tra, theo dõi, ghi số liệu,...	công	25	24	23	22
	Chọn kén giống	công	5	5	5	6
	Nhân giống	công	15	15	15	20
	Sát trùng mặt trứng	công	4	4	2	2
	Chiếu kính kiểm tra bệnh	công	13	13	13	13

	Kiểm nghiệm tơ kén (công/mẫu)	công	13	13	13	0
	Xử lý số liệu, viết báo cáo	công	5	5	5	5
II.	Nguyên vật liệu, năng lượng					
1.	Nguyên liệu, hoá chất					
	Lá dâu (lá thâu dầu, lá sắn)	kg	500	480	400	520
	Clorua vôi	Kg	10	10	10	10
	Phoocmol	kg	10	10	10	10
	Thuốc bệnh tằm	hộp	20	20	20	20
	Vôi bột	kg	20	20	20	20
2.	Dụng cụ thí nghiệm					
	Đùi tre	cái	4	4	4	4
	Nong nuôi tằm, nhân giống	cái	80	80	80	80
	Né tre	cái	40	40	40	40
	Giấy Ka rập	kg	5	5	5	5
	Bếp than tổ ong	cái	2	2	2	2
3.	Vật rẻ tiền mau hỏng					
	Hộp ngài	cái	40	40	40	40
	Báo cũ	kg	5	5	5	5
	Biểu nuôi tằm	cái	40	40	40	40
	Rơm làm né	kg	40	40	40	40
	Dây thép buộc né	kg	5	5	5	5
	Phễu cấp 1	phên	80	80	80	80
	Ấm nhiệt kế	cái	2	2	2	2
	Vải phủ dâu	m	20	20	20	20
	Bạt đựng dâu	m	20	20	20	20
	Bảo hộ lao động	bộ	2	2	2	2
	Rổ, rá, dao...	bộ	2	2	2	2
4.	Năng lượng, điện, nước					
	Than tổ ong	kg	350	350	300	300
	Điện nuôi tằm, nhân giống	KW	350	350	300	300
	Điện kho lạnh bảo quản trứng	KW	600	600	500	500
	Điện sấy mẫu bệnh, chiếu kính	KW/ mẫu	450	450	300	400
	Điện sấy mẫu kén, ươm tơ	KW	10	10	10	0
	Nước rửa nhà, giặt nong	m ³	20	20	20	20

Phụ lục XI.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHO PHÂN TÍCH MẪU LÚA GẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Phân tích chiều dài hạt gạo, chiều rộng hạt gạo, tỉ lệ dài/rộng, tỉ lệ bạc bụng

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Chuẩn bị mẫu từ thóc ra gạo	công	0,4
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Xử lý mẫu	công	0,3
-	Xử lý số liệu	công	0,3
II	Hóa chất		
III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Khay phơi mẫu, dụng cụ chứa mẫu, panh, kẹp, thước, giấy kẻ ôly, kính lúp, dao lam.....	bộ	0,1
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	2
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
	Bảo dưỡng các dụng cụ đo lường	% (I+III+IV)	3

2. Phân tích tỉ lệ gạo lật, gạo xát, gạo nguyên

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Công chuẩn bị mẫu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị	công	0,3
-	Công bóc tách, xay mẫu, xát mẫu, phân loại hạt	công	0,4
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Công xử lý mẫu	công	0,2
-	Công xử lý số liệu	công	0,2
II	Hóa chất		
III	Dụng cụ tiêu hao		
	Khay đựng mẫu, sàng, dụng cụ chứa mẫu, túi đựng mẫu, met, cân kỹ thuật, cân phân tích điện tử	bộ	0,03
	Bút ghi, bút xóa, sổ ghi số liệu	cái	0,03
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	5
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
1	Thiết bị, dụng cụ xay xát, cân các loại, tủ sấy....	% (I+III+IV)	5

3. Phân tích nittơ tổng số

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Công rửa dụng cụ thí nghiệm	công	0,2
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Công xử lý mẫu	công	0,3
-	Công phân tích	công	0,5
-	Công xử lý số liệu	công	0,2
II	Hóa chất		
1	HClO ₄	lit	0,02
2	H ₃ BO ₃	kg	0,01
3	H ₂ SO ₄ chuẩn	ml	0,015
4	H ₂ SO ₄ đậm đặc	lít	0,015
5	Nước cất	lít	0,6
6	Chỉ thị màu tổng hợp Tasirô	ml	1,0
7	NaOH	kg	0,01
8	Giấy lọc không tro	tờ	3
III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Dụng cụ chứa mẫu	cái	0,01
2	Ống công phá kjeldal	cái	0,01
3	Bình tam giác 50,100, 250 ml	cái	0,03 x 3
4	Pipet 2,5,10, 50 ml	cái	0,02 x 4
5	Ống đong 10,25, 50,100 ml	cái	0,02 x 4
6	Phễu lọc	cái	0,06
7	Buret 25,50 ml	cái	0,02 x 2
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	2
2	Nước sạch	lít	2
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
	Bếp cách thủy, thiết bị công phá, thiết bị chưng cất, dụng cụ chuẩn độ, cân, tủ sấy, máy nghiền mẫu	% (I+II+III+IV)	8

4. Phân tích protein tổng số

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Công rửa dụng cụ thí nghiệm	công	0,2
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Công xử lý mẫu	công	0,2
-	Công phân tích	công	0,3
-	Công xử lý số liệu	công	0,2

II	Hóa chất		
1	HClO ₄	lit	0,02
2	H ₃ BO ₃	kg	0,01
3	H ₂ SO ₄ chuẩn	ml	0,015
4	H ₂ SO ₄ đậm đặc	lít	0,015
5	CCl ₃ COOH	kg	0,02
6	H ₃ BO ₃	kg	0,01
7	Nước cất	lít	0,6
8	NaOH	kg	0,015
9	Chỉ thị màu tổng hợp Tasirô	ml	1,0
III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Dụng cụ chứa mẫu	cái	0,01
2	Ống công phá kjeldal	cái	0,01
3	Bình tam giác 50,100,250 ml	cái	0,03 x 3
4	Pipet 2,5,10, 50 ml	cái	0,02 x 4
5	Ống đong 10, 25, 50, 100 ml	cái	0,02 x 4
6	Phễu lọc	cái	0,06
7	Buret 25,50 ml	cái	0,02 x 2
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	2
2	Nước sạch	lít	2
V	Chi phí bảo dưỡng thiết bị		
	Bếp cách thủy, thiết bị công phá, thiết bị chưng cất, dụng cụ chuẩn độ, cân, tủ sấy, máy nghiền mẫu	% (I+II+III+IV)	2

5. Phân tích tinh bột

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Công rửa dụng cụ thí nghiệm	công	0,2
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Công xử lý mẫu	công	0,3
-	Công phân tích	công	0,3
-	Công xử lý số liệu	công	0,2
II	Hóa chất		
1	HCl đặc	lít	0,045
2	Fe ₂ (SO ₄) ₃	kg	0,045
3	Sênhet	kg	0,045
4	H ₂ SO ₄ đặc	kg	0,045
5	CuSO ₄	kg	0,045
6	NaOH	kg	0,045
7	Nước cất	lít	0,9
8	KMnO ₄ chuẩn 0,01N	ml	0,05
9	CH ₃ COOH	lit	0.03
10	Giấy lọc	tờ	3

III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Dụng cụ chứa mẫu	cái	0,01
2	Bình tam giác 50,100, 250 ml	cái	0,04 x 3
3	Pipet 2,5,10,50 ml	cái	0,04 x 4
4	Ống đong 10, 50.100 ml	cái	0,03 x 3
5	Bình định mức,50, 100 ml	cái	0,02 x 2
6	Buret chuẩn độ 25 ml	cái	0,02 x 2
7	Phễu lọc	cái	0,02 x 3
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	2
2	Nước sạch	lít	2
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
	Máy nghiền mẫu,cân, tủ sấy, máy li tâm, bếp...	5% (I+II+III+IV)	

6. Phân tích hàm lượng amyloza

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Công rửa dụng cụ thí nghiệm	công	0,2
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Công xử lý mẫu	công	0,2
-	Công phân tích	công	0,3
-	Công xử lý số liệu	công	0,2
II	Hóa chất		
1	Cồn tuyệt đối	lít	0,006
2	NaOH	kg	0,03
3	CH ₃ COOH	lít	0,006
4	I ₂	kg	0,001
5	KI	kg	0,01
III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Dụng cụ chứa mẫu	cái	0,01
2	Máy nghiền	cái	0,01
3	Bình định mức 50,100 ml	cái	0,02 x 3
4	Bình tam giác 100 ml	cái	0,01 x 3
5	Pipet 2,5,10 ml	cái	0,02 x 3
6	Ống đong 10, 50,100 ml	cái	0,02 x 3
7	Bình định mức 50,100 ml	cái	0,02 x 2
8	Phễu lọc	cái	0,02 x 3
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	1
2	Nước sạch	lít	2
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
	Máy nghiền mẫu, quang phổ,cân, tủ sấy, bếp,...	5% (I+II+III+IV)	

7. Phân tích nhiệt độ hóa hồ

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Công rửa dụng cụ thí nghiệm	công	0,2
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Công xử lý mẫu	công	0,2
-	Công phân tích	công	0,3
-	Công xử lý số liệu	công	0,2
II	Hóa chất		
1	KOH	kg	0,06
III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Đĩa Petri	bộ	0,03
2	Buret	cái	0,03
3	Pipet	cái	0,03
4	Quả bóp cao su	quả	0,02
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	1
2	Nước sạch	lít	1
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
	Tủ sấy, cân phân tích, Panh, bảng so sánh kết quả	2% (I+II+III+IV)	

8. Đánh giá mùi thơm

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công lao động		
1	Công lao động phổ thông		
-	Công rửa dụng cụ thí nghiệm	công	0,2
2	Công lao động kỹ thuật		
-	Công xử lý mẫu	công	0,2
-	Công phân tích	công	0,3
-	Công xử lý số liệu	công	0,2
II	Hóa chất		
1	KOH	lít	0,06
2	Nước cất	lít	0,5
III	Dụng cụ tiêu hao		
1	Dụng cụ chứa mẫu	cái	0,01
2	Cốc đốt 100ml	cái	0,02 x 3
3	Bình tam giác 100 ml	cái	0,02 x 3
4	Ống đong 50 ml	cái	0,02
5	Ống nghiệm Ø 25ml	cái	0,06
IV	Năng lượng nhiên liệu		
1	Điện	kw	0,8
2	Nước sạch	lít	1
V	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị		
	Bếp cách thủy, cân kỹ thuật % (I+II+III+IV)	%	2